

Số: 05/BC-BKS

Thành phố Huế, ngày 2 tháng 4 năm 2025

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Chân Mây

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2024, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Chân Mây xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 các nội dung sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024

- Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Chân Mây nhiệm kỳ 2020-2025 gồm có 3 thành viên trong đó hai thành viên chuyên trách và một thành viên không chuyên trách thuộc Tổng Công ty. Trong đó, thù lao của thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách được hưởng là 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Ban kiểm soát đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể đến các thành viên BKS trên các mặt hoạt động của Công ty. Thường xuyên tiến hành tổ chức công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp với kế hoạch được Tổng công ty phê duyệt thông qua người đại diện vốn; xem xét báo cáo tài chính và các hoạt động đầu tư các dự án trên cơ sở phù hợp Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Trong năm 2024, BKS đã thực hiện 10 cuộc họp và đã ban hành 10 báo cáo kiểm tra, giám sát các hoạt động của đơn vị.

- Ban kiểm soát phối hợp với phòng Tài chính - Kế toán và Công ty kiểm toán độc lập tiến hành thẩm định và xác nhận sự khớp đúng số liệu của Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty do Ban Điều hành lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt.



Handwritten signature

- Ban kiểm soát tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tuần của Ban Điều hành và một số cuộc họp khác với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của đơn vị.

- Trong năm, BKS không nhận được bất cứ yêu cầu nào của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông về yêu cầu xem xét hoạt động của Công ty, về việc quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.

II. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2024

Năm 2024, sản lượng thông qua Cảng Chân Mây 5.394.231 tấn đạt 115% kế hoạch, doanh thu 383.208 triệu đồng đạt 139% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế đạt 25,5 tỷ đồng. Sản lượng hàng container vẫn chưa đạt kỳ vọng (chỉ đạt 35% so với kế hoạch) do nhu cầu tại địa phương và vùng lân cận giảm.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ % thực hiện/kế hoạch
1	Tổng sản lượng	Tấn	5.394.231	4.700.000	115%
2	Trong đó: SL hàng cont	TEUs	8.395	23.760	35%
3	Tổng doanh thu	Trđ	383.208	276.400	139%
4	Trong đó: DT hàng cont	Trđ	11.289	31.291	36%
5	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	25.560	476	
6	Nộp ngân sách	Trđ	3.863	500	
7	Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	17.080.000	11.990.000	142%

Nguyên nhân chủ yếu để sản lượng, doanh thu năm 2024 tăng mạnh và vượt xa kế hoạch năm 2024 là do:

+ Mặt hàng gỗ dăm năm 2024 sản lượng đạt 2.038.000 tấn bằng 198% so với cùng kỳ năm 2023. Doanh thu năm 2024 đạt 105 tỷ đồng tăng tương ứng 199% so với năm 2023.

+ Doanh thu dịch vụ tàu du lịch năm 2024 đạt 19,8 tỷ đồng bằng 202% so với cùng kỳ năm 2023.

+ Doanh thu dịch vụ thuê bãi năm 2024 đạt 64,5 tỷ đồng so với năm 2023 chỉ 5,4 tỷ đồng.

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 trên cơ sở tuân thủ đúng chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành. Công ty đã thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin tài chính định kỳ với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. BKS thống nhất với số liệu trong Báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, xác nhận Báo cáo tài chính

vu

phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty đến thời điểm 31/12/2024. Trên cơ sở đó, BKS kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 do Ban Điều hành báo cáo và đã được kiểm toán với số liệu như sau:

1. Tóm tắt Bảng kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: VN đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tăng giảm năm nay /năm trước	Tỉ lệ năm nay/ năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	383,208,049,101	227,424,257,898	155,783,791,203	168%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	383,208,049,101	227,424,257,898	155,783,791,203	168%
4. Giá vốn hàng bán	293,150,943,216	181,985,494,370	111,165,448,846	161%
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	90,057,105,885	45,438,763,528	44,618,342,357	198%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1,533,220,852	2,135,776,847	(602,555,995)	72%
7. Chi phí tài chính	14,098,862,916	18,992,882,156	(4,894,019,240)	74%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	14,084,564,075	18,992,882,156	(4,908,318,081)	
8. Chi phí bán hàng	2,971,277,248	2,524,920,573	446,356,675	118%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	45,930,443,292	33,432,426,995	12,498,016,296	137%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	28,589,743,282	(7,375,689,349)	35,965,432,631	
11. Thu nhập khác	1,180,590	22,690,107	(21,509,517)	5%
12. Chi phí khác	100,123,922	34,997,017	65,126,905	287%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(98,943,332)	(12,306,910)	(86,636,422)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	28,490,799,950	(7,387,996,259)	35,878,796,209	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,930,560,361	8,159,609	2,922,400,752	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	25,560,239,589	(7,396,155,868)	32,956,395,457	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	789	(228)		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	789	(228)		

2. Tóm tắt Bảng cân đối kế toán:

ĐVT: VN đồng

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Tăng giảm năm nay/năm trước	Tỉ lệ năm nay/năm trước
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	148,190,945,247	102,138,045,907	46,052,899,340	145%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	67,275,325,755	41,415,070,887	25,860,254,868	162%

1. Tiền	21,275,325,755	21,415,070,887	(139,745,132)	99%
2. Các khoản tương đương tiền	46,000,000,000	20,000,000,000	26,000,000,000	230%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	33,000,000,000	18,000,000,000	15,000,000,000	183%
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	33,000,000,000	18,000,000,000	15,000,000,000	183%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	38,631,311,603	31,933,110,729	6,698,200,874	121%
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	20,744,493,069	17,370,328,541	3,374,164,528	119%
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2,523,345,142	2,476,167,393	47,177,749	102%
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	1,500,000,000	1,500,000,000	-	
4. Phải thu ngắn hạn khác	17,361,560,696	14,047,943,042	3,313,617,654	124%
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(3,498,087,304)	(3,461,328,247)	(36,759,057)	101%
IV. Hàng tồn kho	8,008,457,781	4,589,754,909	3,418,702,872	174%
1. Hàng tồn kho	8,008,457,781	4,589,754,909	3,418,702,872	174%
V. Tài sản ngắn hạn khác	1,275,850,108	6,200,109,382	(4,924,259,274)	21%
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	270,140,752	246,727,185	23,413,567	109%
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	579,991,165	5,234,085,762	(4,654,094,597)	11%
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	425,718,191	719,296,435	(293,578,244)	59%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	545,201,423,127	569,051,364,101	(23,849,940,974)	96%
I. Các khoản phải thu dài hạn	3,537,863,606	6,032,090,878	(2,494,227,272)	59%
1. Trả trước cho người bán dài hạn	3,537,863,606	6,032,090,878	(2,494,227,272)	59%
II. Tài sản cố định	515,692,299,653	535,171,391,569	(19,479,091,916)	96%
1. Tài sản cố định hữu hình	514,500,362,425	533,658,445,065	(19,158,082,640)	96%
- Nguyên giá	1,055,218,452,692	1,041,290,744,406	13,927,708,286	101%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(540,718,090,267)	(507,632,299,341)	(33,085,790,926)	107%
2. Tài sản cố định vô hình	1,191,937,228	1,512,946,504	(321,009,276)	
- Nguyên giá	1,974,929,785	1,939,429,785	35,500,000	102%
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(782,992,557)	(426,483,281)	(356,509,276)	184%
III. Tài sản dở dang dài hạn	12,724,451,367	13,624,585,811	(900,134,444)	93%
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12,724,451,367	13,624,585,811	(900,134,444)	93%
IV. Tài sản dài hạn khác	13,246,808,501	14,223,295,843	(976,487,342)	93%
1. Chi phí trả trước dài hạn	13,246,808,501	14,223,295,843	(976,487,342)	93%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	693,392,368,374	671,189,410,008	22,202,958,366	103%
C. NỢ PHẢI TRẢ	333,276,356,765	336,633,637,988	(3,357,281,223)	99%
I. Nợ ngắn hạn	110,057,598,962	89,688,062,364	20,369,536,598	123%

1. Phải trả người bán ngắn hạn	7,631,895,664	2,538,210,230	5,093,685,434	301%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	387,735,544	180,614,416	207,121,128	215%
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2,930,560,361			
4. Phải trả người lao động	17,403,415,027	8,782,142,188	8,621,272,839	198%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	3,064,641,309	3,136,467,313	(71,826,004)	98%
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	467,301,935	517,255,138	(49,953,203)	
7. Phải trả ngắn hạn khác	44,574,686,888	52,003,630,437	(7,428,943,549)	86%
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19,540,000,000	19,540,000,000	-	
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	12,005,772,593			
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,051,589,641	2,989,742,642	(938,153,001)	69%
II. Nợ dài hạn	223,218,757,803	246,945,575,624	(23,726,817,821)	90%
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	62,017,488,550	66,204,306,371	(4,186,817,821)	94%
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	161,201,269,253	180,741,269,253	(19,540,000,000)	89%
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	360,116,011,609	334,555,772,020	25,560,239,589	108%
I. Vốn chủ sở hữu	360,116,011,609	334,555,772,020	25,560,239,589	108%
1. Vốn góp của chủ sở hữu	324,054,150,000	324,054,150,000	-	
2. Quỹ đầu tư phát triển	27,259,580,782	27,259,580,782	-	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8,802,280,827	(16,757,958,762)	25,560,239,589	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(16,757,958,762)	(9,361,802,894)	(7,396,155,868)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	25,560,239,589	(7,396,155,868)	32,956,395,457	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	693,392,368,374	671,189,410,008	22,202,958,366	103%

3. Tóm tắt Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

ĐVT: VN đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Kỳ này từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Kỳ này từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28,490,799,950	(7,387,996,259)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		33,442,300,202	34,442,728,314

- Các khoản dự phòng	03		12,042,531,650	196,545,688
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(19,926,800)	(39,189,694)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1,422,732,624)	(2,053,459,053)
- Chi phí lãi vay	06		14,084,564,075	18,992,882,156
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		86,617,536,453	44,151,511,152
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1,557,000,758	7,138,690,331
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3,418,702,872)	(743,244,387)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		8,670,217,155	11,783,794,578
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		953,073,775	(5,210,887,358)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14,578,170,894)	(19,379,698,055)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(8,159,609)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			20,000,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(938,153,001)	(56,240,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		78,862,801,374	37,695,766,652
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(12,326,044,403)	(28,392,022,628)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33,000,000,000)	(18,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		18,000,000,000	10,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,309,922,122	2,058,338,505
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(26,016,122,281)	(34,333,684,123)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(19,540,000,000)	(15,660,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7,466,351,025)	(1,025,421,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27,006,351,025)	(16,685,421,600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		25,840,328,068	(13,323,339,071)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		41,415,070,887	54,699,220,264
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		19,926,800	39,189,694
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		67,275,325,755	41,415,070,887

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2024	NĂM 2023	GHI CHÚ
1	Cơ cấu tài sản				
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	0.21	0.15	
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	0.79	0.85	

2	Cơ cấu nguồn vốn				
	Nợ phải trả/Vốn CSH	%	0.93	1.01	
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	0.48	0.50	
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	0.52	0.50	
3	Khả năng thanh toán				
	Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1.27	1.09	
	Khả năng thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1.35	1.14	
4	Hiệu quả				
	Tỷ suất LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0.0369	(0.0110)	
	Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu	%	0.0469	(0.0325)	
	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	0.0710	(0.0221)	

Chỉ tiêu Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh: Dòng tiền thuần có được từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 dương (+) 78 tỷ đồng cho thấy hoạt động của doanh nghiệp được diễn ra liên tục và đảm bảo hoạt động hiệu quả cho việc đầu tư và bù đắp các chi phí.

Hệ số khả năng thanh toán hiện tại là chỉ số đo lường khả năng doanh nghiệp đáp ứng các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn. Chỉ số này ở mức 2-3 lần được xem là tốt, nhưng hiện nay chỉ số này của đơn vị khoảng 1 lần cho thấy thời gian đến việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của đơn vị trong tương lai sẽ khó khăn.

Nhìn chung, năm 2024 các chỉ tiêu tài chính của Công ty đã đạt kế hoạch, kết quả tài chính đảm bảo được tính hiệu quả và lành mạnh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản, khả năng thanh toán và hiệu quả hoạt động đều thể hiện Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo đảm và phát triển.

III. Về công tác hoạt động của 3 Xí nghiệp

Thực hiện Kế hoạch kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp Xếp dỡ, Xí nghiệp Cơ giới, Xí nghiệp Dịch vụ cung ứng tàu biển trực thuộc Công ty cổ phần Cảng Chân Mây năm 2024, Ban Kiểm soát đã báo cáo HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty kết quả kiểm tra (BC số 06/BKS-CM ngày 19/07/2024), Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

1. Kiến nghị đối với Xí nghiệp Cơ giới

- Kiến nghị Xí nghiệp lập Biên bản kiểm tra nhiên liệu tiêu hao định kỳ hàng tháng cho tất cả thiết bị, có xác nhận của Phòng Kỹ thuật để phục vụ việc quản lý thiết bị, phát hiện kịp thời các biến động bất thường.

- Kiến nghị Xí nghiệp lưu trữ hồ sơ liên quan đầy đủ, Phiếu đề xuất, các loại Phiếu nhận vật tư...phải ghi đầy đủ nội dung và có chữ ký xác nhận đầy đủ của các bộ phận liên quan.

ru

- Kiến nghị Xí nghiệp lập kế hoạch và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị đúng thời gian quy định.

- Kiến nghị Xí nghiệp rà soát và đề xuất làm lại định mức tiêu hao nhiên liệu cho các thiết bị bao gồm xe xịt nước (xe và máy bơm). Phần lớn thiết bị vẫn còn áp dụng Định mức tiêu hao nhiên liệu ban hành từ năm 2021.

2. Kiến nghị đối với Xí nghiệp Xếp dỡ

- Đối với công đoạn vét than, kiến nghị Xí nghiệp cùng các bộ phận liên quan nghiên cứu làm sao giảm được thời gian nghỉ xuống thấp hơn nữa để tăng năng suất, trung bình thời gian nghỉ chiếm hơn 40% thời gian vét là quá lớn.

- Kiến nghị Xí nghiệp đề xuất Công ty bổ sung nhân lực (huy động người tại chỗ từ các bộ phận khác, thuê ngoài, tuyển thêm), đảm bảo đủ nhân lực để bố trí vào dây chuyền sản xuất đúng quy trình công nghệ xếp dỡ, nhất là đủ nhân lực vét tàu than.

- Kiến nghị Xí nghiệp nghiên cứu cách trả lương riêng cho công đoạn vét than để khích lệ tinh thần của người lao động, nâng cao năng suất.

3. Kiến nghị đối với Xí nghiệp Dịch vụ cung ứng tàu biển

- Kiến nghị Xí nghiệp định mức tiêu hao nhiên liệu lại cho tàu Chân Mây 01.

- Kiến nghị Xí nghiệp xây dựng quy trình quản lý, mua bán điện nước.

- Kiến nghị Công ty xem xét xử lý số liệu chênh lệch dầu nhớt các loại để khớp với sổ sách kế toán theo quy định.

IV. Báo cáo kết quả giám sát đầu tư các dự án

Trong kế hoạch đầu tư một số hạng mục trong năm 2024, tổng giá trị đầu tư năm 2024 là **302.108** triệu đồng, Trong đó: giá trị thực hiện đạt: **24.152** triệu đồng, và giá trị giải ngân **23.987** triệu đồng. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Tên dự án/BCKTKT đầu tư xây dựng (Xây dựng, Mua sắm trang thiết bị, Sửa chữa)	Kế hoạch năm 2024		Thực hiện năm 2024		Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	
	Tổng cộng(A+B+C+D+E+F)	302,108	-	24,152	23,987	
B	Các dự án nhóm B	244,816		38.5	702.6	
B.1	Dự án chuyển tiếp	244,816		38.5	702.6	
	Giai đoạn hoàn thiện	244,816	Liên kết đầu tư	38.5	702.6	Nạo vét, cầu dẫn

C	Dự án nhóm C	7,050		4,410	4,410	
C.1	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	7,050		4,410	4,410	
-	Mua sắm xe nâng 10 tấn	2,200	Quỹ đầu tư phát triển	1,100	1,100	hoàn thành 2024
-	Cải tạo nâng cấp hệ thống tang cáp điện đầu cần cầu Gottwald HMK 170E	900	Quỹ đầu tư phát triển	9.5	9.5	
-	Mua sắm cáp tải cần cầu Gottwald HMK 170E	950	Vốn tự có	825	825	hoàn thành 2024
-	Mua sắm đệm tựa tàu 1300H	3,000	Vốn tự có	2,475	2,475	hoàn thành 2024
D	Các Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng	50,242		17,319	16,411	-
D.1	<i>Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng chuyển tiếp</i>	50,242		17,319	16,411	
-	Nạo vét điều chỉnh mở rộng luồng, vùng quay tàu của bến trong (bến 120m)	3,826	Quỹ đầu tư phát triển			chuyển tiếp thực hiện sang năm 2025
-	Sửa chữa, bảo trì Bến số 1 – Cảng Chân Mây	8,114	Chi phí SXKD	7,446	6,246	Hoàn thành 2024
-	Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 - Cảng Chân Mây	8,640	Chi phí SXKD			Dự kiến hoàn thành nạo vét duy tu trong quý III năm 2025
-	Thiết lập khu neo chuyển tải hàng tổng hợp, hàng rời cho tàu có trọng tải đến 200.000DWT tại Vịnh Chân Mây	3,500	Liên kết đầu tư			QĐ công bố mở khu chuyển tải số 1051/QĐ-CHHVN ngày 23/7/2024

-	Kiểm định nâng cấp Bến số 2 - Cảng Chân Mây được tiếp nhận tàu hàng có trọng tải đến 70.000 tấn	550	Quỹ đầu tư phát triển		132	hoàn thành 2024
-	Sửa chữa Bến số 1 - Cảng Chân Mây (hạng mục Sửa chữa hệ dầm, bản mặt sàn và bảo vệ đầu cọc năm 2023)	10,000	Quỹ đầu tư phát triển	6,321	7,569	
-	Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp Bến số 1 - Cảng Chân Mây	3,500	Quỹ đầu tư phát triển	2,757	1,739	hoàn thành 2024
-	Lắp đặt hệ thống PCCC kho bãi mở rộng Bến số 1 - Cảng Chân Mây	4,112	Quỹ đầu tư phát triển	181	181	
-	Lập hồ sơ môi trường Bến số 1 - Cảng Chân Mây (Bao gồm Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép nhận chìm, Giao khu vực biển đổ đất nạo vét, Phí môi trường đổ đất nạo vét Bến số 1 - Cảng Chân Mây)	6,200	Vốn tự có			
-	Hàng rào nhà kho 7000m2	1,200	Quỹ đầu tư phát triển	615	544	hoàn thành 2024
-	Bổ sung công năng cho Bến số 2 để đón tàu khách du lịch	300	Vốn tự có			
-	Bổ sung công năng cho Bến số 1 để đón tàu hàng container	300	Vốn tự có			hoàn thành 2024
F	Các hạng mục khác phục vụ SXKD năm 2024	-		2,385.089	2,464.019	

517
3
H
H
TH

du

V. Kết quả hoạt động của HĐQT và Ban TGD

Qua công tác kiểm tra, giám sát năm 2024, Ban kiểm soát đánh giá HĐQT và BTGD đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể:

1. Đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm qua

- Trong năm, HĐQT đã hoàn thành việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty. Các chính sách của HĐQT mang tính định hướng mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện; xây dựng chiến lược, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, hiệu quả giúp kết quả đạt được vượt kế hoạch đề ra.

- Căn cứ các Tờ trình, HĐQT đã tổ chức họp 4 phiên họp có biên bản, 22 biên bản lấy ý kiến, đã ban hành 45 Nghị quyết, Quyết định và 11 báo cáo Người đại diện vốn gửi TCT. Các văn bản được lập đúng trình tự, đầy đủ căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Đánh giá các hoạt động của Ban TGD trong năm qua

- Ban TGD đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng Quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, triển khai kịp thời các Quyết định, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, không có vi phạm nào làm ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động của Công ty.

- Triển khai thường xuyên các cuộc họp giao ban hàng tuần để tập trung giải quyết kịp thời các vướng mắc trong hoạt động SXKD của Công ty.

- Mọi hoạt động quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty đều được HĐQT chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT để kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

VI. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD

- Trong năm 2024, BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp của đơn vị, của cổ đông và theo đúng các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty. Các thành viên BKS đều được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, hàng tuần tham dự cuộc họp giao ban của Ban Giám đốc điều hành.

Với cổ đông, BKS không nhận được thư yêu cầu hay khiếu nại của Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông về hoạt động của công ty trong thời gian qua.

VI. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người

quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: Trong những năm qua không có phát sinh giao dịch này.

VII. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 của Ban kiểm soát

Kế hoạch hoạt động trong năm 2025 của BKS tập trung vào một số nhiệm vụ sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết được ĐHĐCĐ thông qua;
- Lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư, các hợp đồng kinh tế có giá trị lớn.
- Kiểm soát Báo cáo tài chính: Lập báo cáo thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng và 1 năm trình HĐQT;
- Thực hiện công tác kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh tại 3 Xí nghiệp;
- Xây dựng kế hoạch đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và giám sát việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của khách hàng;
- Phân tích, đánh giá chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, kiến nghị phương án tiết kiệm chi phí năm 2025.
- Phân công nhiệm vụ của các thành viên trong Ban kiểm soát, xây dựng báo cáo Ban kiểm soát trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025;
- Kiểm soát việc tuân thủ công tác công bố thông tin của Công ty được thực hiện minh bạch theo đúng nội dung quy định của Công ty niêm yết;
- Và thực hiện các công tác khác theo quy định.

VIII. Kiến nghị của Ban kiểm soát

- Trong năm 2024 một số Dự án triển khai chậm tiến độ theo quy định, kiến nghị Công ty đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Dự án theo đúng thời gian quy định.
- Đối với các khoản nợ khó đòi và các khoản nợ xấu đã được trích dự phòng và chưa trích lập dự phòng, kiến nghị Công ty tiếp tục nghiên cứu, theo dõi sát sao để có biện pháp thu hồi nợ cho Công ty;

Trên đây là báo cáo công tác kiểm tra, giám sát kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024. Ban kiểm soát kính trình quý vị cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BĐH;
- Ban KS;
- Lưu: VT, TC-HC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phan Tuấn Anh



Số: 21 /TTr-HĐQT

Thành phố Huế, ngày 15 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua kế hoạch đầu tư năm 2025

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;
Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tiễn tại Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Chân Mây kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch đầu tư năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Dự án	Kế hoạch năm 2025		Nguồn vốn	Ghi chú
		Thực hiện	Giải ngân		
1	Nâng cấp hệ thống PCCC Bến số 1 - Cảng Chân Mây	5.000	5.000	Vốn tự có	
2	Sửa chữa bảo trì Bến số 1 năm 2025	20.000	20.000	Vốn tự có	
3	Xây dựng trạm biến áp Bến số 1 phục vụ sản xuất kinh doanh	3.300	3.300	Vốn tự có	
4	Kiểm định định kỳ, đánh giá an toàn kết cấu hạ tầng cảng biển Bến số 1 - Cảng Chân Mây	1.000	1.000	Vốn tự có	
5	Mua sắm xe hút bụi (Ô tô quét đường)	1.400	1.400	Vốn tự có	
Tổng cộng:		30.700	30.700		

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 
- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT. HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Dương Bá Hòa

TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY
CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CHÂN MÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22 /TTr-HĐQT

Thành phố Huế, ngày 15 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Chân Mây kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 và phương án quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc công ty như sau:

1. Quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty năm 2024

1.1. Tổng quỹ lương năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát công ty là: 3.919 triệu đồng.

Căn cứ vào Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 53/2016/NĐ-CP.

1.2. Tổng thù lao của thành viên HĐQT: Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (03 người) là: 108.000.000 đồng.

1.3. Tổng thù lao của Ban Kiểm soát: Thành viên không chuyên trách Ban kiểm soát (01 người) là: 24.000.000 đồng.

2. Phương án quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty năm 2025

2.1. Tổng quỹ lương của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 sẽ tiếp tục được thực hiện theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính



h

phủ quy định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước.

2.2. Phương án thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty năm 2025 được thực hiện như sau:

Stt	Chức danh	Thù lao
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Không hưởng thù lao
2	Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách	Không hưởng thù lao
3	Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (bao gồm các thành viên kiêm nhiệm)	3.000.000 đồng/người/tháng
4	Trưởng Ban kiểm soát	Không hưởng thù lao
5	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách	Không hưởng thù lao
6	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	2.000.000 đồng/người/tháng

- Thù lao được trả vào cuối mỗi quý.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Chân Mây kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT. HC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đương Bá Hòa



Số: 23 /TTr-HĐQT

Thành phố Huế, ngày 15 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận,
trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2024**

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH13 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Căn cứ Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng (VIETVALUES).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội Đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024

Stt	Chỉ tiêu	Tỉ lệ	Số tiền (VNĐ)
1	Vốn điều lệ		324.054.150.000
2	Lợi nhuận trước thuế năm		28.490.799.950
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp		2.930.560.361
4	Lợi nhuận sau thuế		25.560.239.589
5	Bù lỗ lũy kế các năm trước		16.757.958.762
6	Lợi nhuận để chia cổ tức và trích lập các quỹ		8.802.280.827
6.1	- Trích lập quỹ đầu tư và phát triển	20,00%	1.760.456.165
6.2	- Trích lập quỹ khen thưởng	5,00%	440.114.041
6.3	- Trích lập quỹ phúc lợi	15,00%	1.320.342.124
6.4	- Trích thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Điều hành và Tổ Thư ký	5,00%	440.114.041
6.5	- Chi trả cổ tức	55,00%	4.841.254.455
	+ Tỷ lệ chi trả cổ tức		1,49%

2. Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024

- Hình thức chi trả cổ tức: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản;
- Thời gian chi trả: Sau khi Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2024 và theo đúng thời gian quy định của Pháp luật.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT. HC.



Dương Bá Hòa



Số: **24** /TTr-HĐQT

Thành phố Huế, ngày **15** tháng **4** năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;

Xét nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế của Công ty.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trong quá trình hoạt động sẽ phát sinh một số vấn đề thủ tục hoặc các cơ hội kinh doanh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc xin ý kiến của cổ đông sẽ mất nhiều thời gian và chi phí. Nhằm tạo sự chủ động cho Hội đồng quản trị (HĐQT) trong quá trình quản lý điều hành, kịp thời đưa ra các quyết định nhằm mang lại lợi ích cho Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua một số nội dung ủy quyền như sau:

1. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện một số nội dung:

1.1. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) biểu quyết thông qua (bao gồm cả việc triển khai thực hiện các trình tự thủ tục, làm việc với bên thứ ba hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền nhằm đạt được các mục tiêu và kế hoạch đề ra phù hợp với quy định của pháp luật).

1.2. Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

2. Thời hạn ủy quyền: Từ ngày tờ trình được thông qua cho đến khi có Nghị quyết thay thế của Đại hội đồng cổ đông.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT. HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Dương Bá Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Huế, ngày 06 tháng 6 năm 2025

**Về việc xử lý khoản nợ không có khả năng thu hồi đối với doanh nghiệp phá sản
theo Quyết định của Tòa án**

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

Căn cứ Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản số 01/2025/QĐ-PSST ngày 5/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ;

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty cổ phần Cảng Chân Mây và Công ty TNHH MTV vận tải biển dương Vinashin đến thời điểm ngày 12/01/2024;

Căn cứ Báo cáo tài chính và kết quả xử lý tài sản của doanh nghiệp phá sản do Tòa án/Quản tài viên công bố.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội Đồng cổ đông thông qua việc xử lý khoản nợ không có khả năng thu hồi đối với doanh nghiệp phá sản theo quyết định của tòa án với các nội dung chi tiết như sau:

I. Thông tin của doanh nghiệp đã phá sản có khoản nợ với CMP

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin;
- Mã số thuế: 0101995707;
- Địa chỉ: Phố Trần Thủ Độ, lô CC1 – I.3.1 Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội;
- Số tiền nợ chưa thanh toán: 2.171.369.272 đồng;
- Loại công nợ: không đảm bảo;
- Thời điểm phát sinh: từ tháng 01 năm 2008.
- Tình trạng hiện tại: Đã có Quyết định tuyên bố phá sản, tài sản còn lại không đủ để thanh toán các khoản nợ không có bảo đảm.



hu

II. Nội dung đề xuất

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận các nội dung sau:

1. Hạch toán giảm công nợ phải thu đối với Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin có tổng giá trị là: 2.171.369.272 đồng do doanh nghiệp này đã bị tuyên bố phá sản và không còn khả năng thanh toán.

2. Ghi giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tương ứng, không làm ảnh hưởng đến chi phí kỳ hiện tại.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị/Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục kế toán, thuế và công bố thông tin (nếu có) theo quy định hiện hành.

III. Cơ sở của đề xuất

- Khoản nợ này đã không có khả năng thu hồi do Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin đã chính thức bị tuyên bố phá sản và không còn tài sản để phân chia cho các chủ nợ không có bảo đảm.

- Khoản nợ trên đã được Công ty trích lập dự phòng 100% từ các năm tại chính trước theo đúng quy định của pháp luật về kế toán và thuế.

- Việc xóa nợ giúp Công ty phản ánh trung thực tình hình tài chính, tránh kéo dài công nợ ảo và thuận lợi trong công tác quyết toán thuế, kiểm toán.

- Báo cáo tình hình công nợ đối với Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT. HC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Dương Bá Hòa

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CHÂN MÂY**

Số: **25** /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Huế, ngày **15** tháng **4** năm 2025

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh
giai đoạn 2026-2030**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Chân Mây;
Căn cứ tình hình sản xuất thực tế tại Công ty.*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Chân Mây kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 theo toàn bộ nội dung của báo cáo kế hoạch đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu: VT. HC.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Dương Bá Hòa

**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SXKD NHIỆM KỲ 2020-2025 VÀ
KẾ HOẠCH SXKD NHIỆM KỲ 2026-2030**

(Báo cáo kèm theo Tờ trình số 25/TTr-HĐQT ngày 15/4/2025 về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030)

Công ty cổ phần Cảng Chân Mây tiến hành đánh giá tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2020-2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2026-2030 với nội dung báo cáo cụ thể như sau:

THÔNG TIN CHUNG

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY
- Địa chỉ trụ sở: thôn Bình An - xã Lộc Vĩnh - huyện Phú Lộc - Thành phố Huế - Việt Nam
- Văn phòng giao dịch tại Huế: Tầng 3 -130 Nguyễn Huệ - Thành phố Huế
- Website: www.chanmayport.com.vn
- Ngành nghề kinh doanh: khai thác cảng biển. Dịch vụ kinh doanh chính: xếp dỡ hàng rời và hàng tổng hợp, xếp dỡ container, dịch vụ cầu bến, dịch vụ kho bãi, tàu khách du lịch, dịch vụ lai dắt, cung ứng nhiên liệu, cung ứng điện, nước ngọt, đại lý tàu biển, dịch vụ sửa chữa và các dịch vụ khác.

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây hiện đang khai thác hai cầu cảng với tổng chiều dài tuyến mép bến lên đến 771m, có thể đón được tàu hàng 50.000DWT, tàu Container 45.000DWT và tàu du lịch 225.282GRT. Với năng lực cầu bến này, Bến số 1 và Bến số 2 đang đáp ứng tương đối tốt nhu cầu của khách hàng.

Cảng Chân Mây là cảng biển nước sâu tự nhiên có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải lớn và có tiềm năng để phát triển thành một cảng biển hiện đại. Cảng hiện là một khâu quan trọng trong chuỗi dịch vụ logistics tại Miền Trung và hành lang Kinh tế Đông Tây, có vai trò như một cửa ngõ chính ra biển Đông cho cả khu vực. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng luôn có tốc độ tăng trưởng cao trong những năm qua. Bên cạnh đó, Cảng Chân Mây là điểm đến ưu tiên hàng đầu của các hãng tàu du lịch lớn nhất và hạng sang nhất thế giới.



PHẦN I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

NHIỆM KỲ 2020-2025

I. Tình hình chung

1. Tình hình thế giới và ngành cảng biển Việt Nam

Giai đoạn 2020-2025 diễn ra nhiều biến động có phạm vi ảnh hưởng trên toàn thế giới với sự xung đột giữa các địa chính trị trên thế giới và sự bùng nổ đại dịch Covid 19 làm tê liệt cả thế giới trong 2 năm (2020-2021) dẫn đến suy thoái nền kinh tế. Các biến động trên đã tác động rất lớn đến hoạt động của ngành cảng biển và vận tải biển quốc tế.

Tổng sản lượng hàng hóa (hàng rời và hàng tổng hợp) qua cảng biển Việt Nam năm 2020 đạt 397.484.863 tấn. Trong khi các năm 2021, 2022, 2023, sản lượng thông qua lần lượt đạt 362.166.913 tấn, 368.677.894 tấn và 366.966.764 tấn và đều không bằng sản lượng năm 2020. Tổng sản lượng container tăng đều trong giai đoạn 2020-2022; năm 2023 đạt 19.097.165 TEU, giảm 0,7% so với năm 2022; năm 2024 đạt 24.658.440 TEU. “Tình trạng này cho thấy sức đề kháng của nền kinh tế nói chung và khối doanh nghiệp cảng biển nói riêng chưa được hồi phục hoàn toàn từ hậu quả của đại dịch và tác động của nhiều biện pháp khắc phục lớn trong năm qua về thị trường, ngân hàng, nhà đất, quản trị phát triển nói chung.” (Số liệu tổng hợp -VPA)

Về cơ cấu sản lượng hàng hóa thông qua, nhóm 2&3 khu vực miền Trung chỉ chiếm 15%, trong khi nhóm cảng biển số 4 phía Nam chiếm 58%, nhóm 1 phía Bắc chiếm 25% và nhóm 5 vùng đồng bằng Sông Cửu Long chiếm 2%. Về cơ cấu hàng container, nhóm 2&3 khu vực miền Trung chiếm 4,5%, nhóm cảng biển số 4 phía Nam chiếm 72,3%, nhóm 1 phía Bắc chiếm 22,8% và nhóm 5 vùng đồng bằng Sông Cửu Long chỉ chiếm 0,4%. (Số liệu tổng hợp -VPA)

Đại dịch Covid 19 đã làm ngành du lịch tàu biển quốc tế phải dừng hoạt động kể từ cuối Quý 1 năm 2020 và hoạt động trở lại vào Quý 4 năm 2022. Sau gần 3 năm gián đoạn, đến nay du lịch tàu biển đã hồi phục hoàn toàn với dự báo số lượt tàu và số du khách đến Việt Nam tăng đều đặn trong các năm tới.

2. Tình hình cảng biển khu vực Chân Mây và lân cận

- Cảng Chân Mây ở khu vực biển tỉnh Thừa Thiên Huế, thuộc nhóm cảng biển số 2 từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế, cạnh các cảng biển lân cận như Cảng Hòn La (Quảng Bình), Cảng Cửa Việt (Quảng Trị), Cảng Đà Nẵng (Đà Nẵng), Cảng Hào Hưng (Bến số 3 - cảng Chân Mây) và Cảng Thuận An (Thừa Thiên Huế), Cảng Chu Lai và Cảng Kỳ Hà (Quảng Nam)...và thời gian tới sẽ là 02 cảng lớn Cảng Liên Chiểu (Đà Nẵng) và Cảng Mỹ Thủy (Quảng Trị). Trong đó, Cảng Đà Nẵng có sản lượng hàng hóa thông qua và hàng container lớn nhất

(Năm 2024, sản lượng hàng hóa thông qua đạt khoảng 14 triệu tấn và lượng container đạt 755.000 TEU).

- Hàng hóa thông qua cảng Chân Mây và các cảng lân cận có đặc điểm tương đồng, hầu hết là hàng rời (dăm gỗ, than, clinker, cát...), hàng tổng hợp phục vụ nhu cầu sản xuất và phát triển của các khu công nghiệp và một số hàng quá cảnh từ Lào (than, quặng, nông sản,...). Lưu lượng hàng container tập trung lớn nhất qua Cảng Đà Nẵng nhờ vào lượng hàng hóa dồi dào khu hậu phương, quy mô hiện đại và lịch sử lâu đời của Cảng này. Xu thế các cảng tại khu vực này là đa dạng dịch vụ, mở rộng phạm vi hoạt động sang vận tải đa phương thức, dịch vụ hàng hải, đại lý vận tải, kinh doanh kho vận, dịch vụ logistics. Các cảng đang được đầu tư như Liên Chiểu, Mỹ Thủy có quy mô lớn, mang tầm quốc tế, đầu tư hiện đại về hạ tầng công nghệ và xây dựng năng lực cạnh tranh bằng nhiều giải pháp đồng bộ.

- Mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19 nhưng lượng hàng rời và hàng tổng hợp qua cảng Chân Mây trong các năm 2020-2024 vẫn tăng đều đặn (tỷ lệ tăng trưởng bình quân đạt 22,8%). Trong đó, một số mặt hàng truyền thống sụt giảm mạnh nhưng sự bổ sung của các nguồn hàng mới từ Lào như than, quặng đã giúp tổng lượng hàng qua Cảng tăng trưởng tốt.

- Các sự kiện ghi dấu quá trình phát triển Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây giai đoạn 2020-2024 như sau:

+ Tháng 7/2021, Công ty hoàn thành công trình xây dựng Bến số 2 và công bố đưa vào khai thác, góp phần giảm tải cho Bến số 1 và nâng cao năng lực cầu bến.

+ Tháng 9/2022, Công ty đưa dịch vụ Container vào khai thác với mục tiêu đa dạng hóa dịch vụ, phát triển phù hợp xu hướng ngành cảng biển thế giới.

+ Tàu khách du lịch tạm dừng hoạt động trong gần 3 năm do đại dịch Covid 19 và hoạt động trở lại từ tháng 10/2022.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2020-2025

Mặc dù kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều thách thức và rủi ro nhưng hàng hóa qua khu vực Cảng Chân Mây phát triển mạnh về khối lượng nhờ vào nhu cầu thị trường và sự tổ chức điều hành hợp lý các điều kiện hạ tầng cảng, trang thiết bị và nhân lực hiện có. Dịch vụ xếp dỡ hàng rời và hàng khác đang được khai thác cực kỳ hiệu quả, đặc biệt sản lượng năm 2024 tăng trưởng 36,2% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng sản lượng thông qua trong 5 năm 2020-2024 đạt 18.347.623 tấn và tổng doanh thu đạt 1.106,3 tỷ đồng (doanh thu dịch vụ đạt 1.097,2 tỷ đồng). Tổng lượt tàu cập Cảng đạt 2.313 lượt, trong đó tàu nội địa 1.683 lượt và tàu quốc tế 630 lượt.

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây chuyển sang giai đoạn tái đầu tư trong nhiệm kỳ 2020-2025. Vì vậy, mặc dù lượt tàu và lượng hàng hóa vẫn tăng đều

qua các năm nhưng do chi phí đầu tư vào công trình Bến số 2 và thiết bị làm hàng vượt cao dẫn đến lợi nhuận âm trong hai năm 2022 và 2023. Kết quả sản xuất kinh doanh biến động mạnh về chỉ tiêu lợi nhuận; trong đó lợi nhuận trước thuế đạt mức 15.954 triệu đồng vào năm 2020; giảm dần xuống 2.175 triệu đồng vào năm 2021; giảm sâu lần lượt đến âm 9.362 triệu đồng và âm 7.388 triệu đồng năm 2022- 2023; tăng mạnh mẽ với lợi nhuận trước thuế đạt 28.491 triệu đồng vào năm 2024. Công ty đã thực hiện kinh doanh đạt hiệu quả cao trong năm 2024 và là kết quả đáng phấn khởi đối với toàn thể CB-CNV và lãnh đạo Công ty khi có lãi trở lại sau 2 năm liên tục lỗ.

Dịch vụ xếp dỡ container được đưa vào hoạt động từ tháng 9/2022 thông qua Bến số 2 với chất lượng dịch vụ đang ngày càng hoàn thiện. Sau 02 năm triển khai, đến nay Cảng Chân Mây đã đạt được một số kết quả nhất định trong việc thu hút hãng tàu và doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa bằng container, mặc dù hiệu quả kinh tế chưa đáng kể nhưng hiệu ứng đã lan tỏa. Hầu hết các Hãng tàu, các Doanh nghiệp xuất nhập khẩu, các đơn vị logistics đã biết Cảng Chân Mây có dịch vụ hàng container. Cảng đã hợp tác thành công với 07 hãng tàu container, bao gồm 04 hãng quốc tế (RCL, CMA-CGM, SITC, Voyager Logistics) và 03 hãng nội địa (Hải An, Gemadept, Thilogi). Công tác xếp dỡ container được tiến hành an toàn và chất lượng dịch vụ ngày càng cải thiện. Kết quả được phản ánh qua 150 lượt tàu cập cảng, đánh dấu sự tăng trưởng so với giai đoạn trước. Về sản lượng hàng hóa, Cảng đã xử lý 15.769 TEU, tương đương 236.535 tấn, trong đó hàng nội địa chiếm 41,32% và hàng xuất nhập khẩu chiếm 58,68%. Tổng doanh thu đạt 20.158 triệu đồng và đang tăng trưởng ổn định qua các năm.

1. Lượt tàu và sản lượng hàng hóa thông qua

1.1. Số lượt tàu

Số lượt tàu cập cảng Chân Mây tăng đều qua các năm, đặc biệt tăng nhanh từ năm 2021 nhờ việc đưa vào khai thác Bến số 2. Trong đó, tàu vận tải nội địa hiện chiếm trên 70% và tàu vận tải quốc tế chiếm gần 30%. Theo chức năng chuyên chở, tàu hàng rời và hàng khác hiện chiếm tỷ trọng lớn (85%) trong khi tàu container và tàu khách chỉ chiếm lần lượt 9% và 6%.

ĐVT: Lượt

TT	Lượt tàu	Năm									
		2020	Tỷ trọng	2021	Tỷ trọng	2022	Tỷ trọng	2023	Tỷ trọng	2024	Tỷ trọng
	Tổng lượt tàu	258	100%	353	100%	412	100%	614	100%	701	100%
I	Phân theo loại vận tải	258	100%	353	100%	412	100%	614	100%	701	100%

hu

TT	Loại tàu	Năm									
		2020	Tỷ trọng	2021	Tỷ trọng	2022	Tỷ trọng	2023	Tỷ trọng	2024	Tỷ trọng
1	Tàu nội	165	64%	250	71%	297	72%	482	79%	501	71%
2	Tàu ngoại	93	36%	103	29%	115	28%	132	21%	200	29%
II	Phân theo chức năng chuyên chở	258	100%	353	100%	412	100%	614	100%	701	100%
1	Tàu hàng rời	244	95%	353	100%	402	97,5%	507	82%	595	85%
2	Tàu container	-		-		6	1,5%	83	14%	66	9%
3	Tàu du lịch	14	5%	-		4	1%	24	4%	40	6%

Công ty hiện tích cực tiến hành các dự án nạo vét khu nước trước bến, chuẩn bị điều kiện cần thiết theo quy định để nâng cỡ tàu tiếp nhận lên 70.000 DWT và bổ sung công năng tiếp nhận tàu du lịch cho bến số 2. Các dự án nhằm mục tiêu nâng cao công suất khai thác Bến số 1 và Bến số 2, tăng lượt tàu cập cảng đồng thời thúc đẩy tăng hơn nữa sản lượng hàng hóa qua Cảng.

1.2. Sản lượng hàng thông qua

Đối với hàng rời và hàng tổng hợp, tổng sản lượng thông qua Cảng Chân Mây nhiệm kỳ vừa qua có xu hướng tăng đều (tỷ lệ tăng trưởng bình quân đạt 22,8%) với tỷ trọng lớn nhất là dăm gỗ (riêng năm 2023 sản lượng dăm gỗ sụt giảm mạnh). Mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19 nhưng các nguồn hàng bổ sung từ Lào như than, quặng đã giúp đảm bảo tăng trưởng về sản lượng. Các mặt hàng qua Cảng thay đổi tỷ trọng dựa vào thị trường. Năm 2024, hàng hóa qua cảng Chân Mây rút gọn về chủng loại và tăng trưởng về số lượng. Một số mặt hàng không còn xuất nhập qua Cảng như titan và dầu cọ; trong khi đó, Cảng tập trung tăng khối lượng xếp dỡ các mặt hàng dăm gỗ, than, cát và quặng.

Theo phương thức thông qua, hàng rời và hàng khác thông qua cảng Chân Mây có tỷ trọng không đồng đều, tập trung chủ yếu là hàng nội địa và hàng xuất ngoại, tỷ lệ lần lượt chiếm 49% và 44%; trong khi đó hàng quá cảnh chỉ chiếm 5% và hàng nhập ngoại là 2%. Đối với container, hàng quốc tế có tỷ trọng lớn hơn hàng nội địa, chiếm tỷ lệ 69% so với 31%.

ĐVT: tấn

TT	SẢN LƯỢNG	Năm 2020	Tỷ trọng	Năm 2021	Tỷ trọng	Năm 2022	Tỷ trọng	Năm 2023	Tỷ trọng	Năm 2024	Tỷ trọng
I	Hàng container (TEU)	-		-		666	100%	7.385	100%	8.395	100%
1.	Hàng quốc tế	-		-		556	83%	5.128	69%	6.612	79%

ĐK

TT	SẢN LƯỢNG	Năm 2020	Tỷ trọng	Năm 2021	Tỷ trọng	Năm 2022	Tỷ trọng	Năm 2023	Tỷ trọng	Năm 2024	Tỷ trọng
2.	Hàng nội địa	-		-		110	17%	2.257	31%	1.783	21%
II	Hàng rời&khác (Tấn)										
1.	Phân theo Bến	2.408.118	100%	3.119.098	100%	3.469.639	100%	3.956.537	100%	5.394.231	100%
1.1	Bến số 1	-		-		2.730.177	79%	2.426.588	61%	3.422.271	63%
1.2	Bến số 2	-		-		739.462	21%	1.529.949	39%	1.971.960	37%
2.	Phân theo mặt hàng	2.408.118	100%	3.119.098	100%	3.469.639	100%	3.956.537	100%	5.394.231	100%
2.1	Dăm gỗ	1.130.247	47%	1.587.564	51%	1.473.922	42%	1.028.616	26,0%	2.038.000	38%
2.2	Than	438.068	18%	630.419	20%	926.095	27%	1.576.916	39,9%	1.892.461	35%
2.3	Clinker	556.422	23%	414.266	13%	264.375	8%	273.873	6,9%	361.496	7%
2.4	Nhựa đường	22.132	0,9%	15.201	0,5%	23.197	0,7%	26.943	0,7%	36.114	0,7%
2.5	Titan	11.417	0,5%	25.132	0,8%	42.108	1%	11.285	0,3%	-	-
2.6	Cát trắng	187.410	8%	274.419	9%	567.986	16%	755.780	19,1%	601.097	11%
2.7	Dầu cọ	4.978	0,2%	7.477	0,2%	4.982	0,1%	4.983	0,1%	-	-
2.8	Sắn lát	-		85.647	3%	59.449	2%	-		-	-
2.9	Quặng bô xít	-		-		-		174.601	4%	293.573	5%
2.10	Hàng khác	57.444	2%	78.973	3%	107.525	3%	103.540	3%	171.490	3%
3.	Phân theo phương thức thông qua	2.408.118	100%	3.119.098	100%	3.469.639	100%	3.956.537	100%	5.394.231	100%
3.1	Hàng xuất ngoại	1.761.425	73%	2.158.784	69%	2.062.686	59%	1.386.761	35%	2.382.972	44%
3.2	Hàng nhập ngoại	86.517	4%	31.049	1%	26.823	0,8%	124.284	3%	81.798	2%
3.3	Hàng nội địa	528.736	22%	929.265	30%	1.380.130	40%	2.270.891	57%	2.635.888	49%
3.4	Hàng quá cảnh	-	-	-	-	-	-	174.601	4%	293.573	5%

2. Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính

Công ty đạt lợi nhuận âm vào năm 2022 và năm 2023 xuất phát từ nguyên nhân chủ yếu do thời gian đầu đưa Bến số 2 đi vào hoạt động, chi phí khấu hao, lãi vay ngân hàng cũng như chi phí ban đầu cho dịch vụ xếp dỡ container. Sản lượng cần có lộ trình tăng trưởng nên doanh thu không đủ bù đắp chi phí. Hơn nữa, đặc thù của ngành cảng biển là chi phí đầu tư và tái đầu tư rất lớn, thời gian thu hồi vốn dài. Do đó, những năm đầu khai thác hiệu quả thường thấp và sẽ ổn định tăng trưởng ở thời kỳ sau. Bước sang năm 2024, Công ty vượt qua khó khăn thách thức, đồng thời tận dụng các lợi thế sẵn có để đạt kết quả kinh doanh

hiệu quả cao. Các dịch vụ hiệu quả kinh tế cao góp phần vào kết quả lãi của Công ty phải kể đến như dịch vụ xếp dỡ dăm gỗ, xếp dỡ than, dịch vụ tàu du lịch, dịch vụ gia tăng tại bãi. Dịch vụ cầu bến, dịch vụ lai dắt và cung ứng xăng dầu tăng trưởng mạnh và ổn định.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
I.	Tổng doanh thu	139.137	168.621	184.205	229.583	384.742
1	Doanh thu dịch vụ	137.164	166.939	182.472	227.424	383.208
1.1	Doanh thu tàu hàng rời, hàng khác	110.876	142.476	143.289	150.926	223.620
1.2	Doanh thu tàu hàng container	-	-	956	8.185	11.289
1.3	Doanh thu tàu du lịch	7.082	-	481	9.827	19.876
1.4	Doanh thu các dịch vụ khác	19.206	24.463	37.746	58.486	128.423
2	Doanh thu tài chính	1.948	1.667	1.730	2.136	1.533
3	Thu nhập khác	25	15	3	23	1
II.	Tổng chi phí	123.183	166.446	193.567	236.971	353.280
1	Chi phí hoạt động thương mại,dv	94.180	128.817	143.215	181.986	293.151
2	Chi phí quản lý kinh doanh	28.966	29.411	32.322	35.957	45.930
3	Chi phí tài chính	7	8.218	18.028	18.993	14.099
4	Chi phí khác	30	0	2	35	100
III.	Lợi nhuận					
1	Lợi nhuận trước thuế	15.954	2.175	(9.362)	(7.388)	28.491
2	Lợi nhuận sau thuế	13.710	1.852	(9.362)	(7.396)	25.560

* Tình hình vốn, tài sản, tài chính năm 2020 - 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
A.TÌNH HÌNH TÀI SẢN					
Tài sản ngắn hạn	110.722	126.360	114.877	102.138	148.191
Tài sản dài hạn	578.962	596.599	582.914	569.051	545.201
Tổng giá trị tài sản	689.684	722.959	697.792	671.189	693.392
Vòng quay tài sản	0,20	0,231	0,26	0,34	0,56
B.TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ					
Tổng nợ phải trả	329.144	370.163	355.840	336.634	333.276
+ Nợ ngắn hạn	75.249	26.114	91.222	89.688	110.057

CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
+ Nợ dài hạn	253.894	244.049	264.618	246.946	223.219
Vốn chủ sở hữu	360.540	352.796	341.952	334.556	360.116
Tổng nguồn vốn	689.684	722.959	697.792	671.189	693.392
Tỷ trọng Vốn CSH/Tổng Ng.vốn	52,28%	48.80%	49,00%	49,85%	51,94%

3. Cơ cấu tổ chức và tình hình lao động

3.1. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty cổ phần Cảng Chân Mây hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần với mô hình quản trị gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát với các bộ phận chức năng bao gồm: Phòng Điều độ, Phòng Kinh doanh, Phòng Container, Phòng Tổ chức-Lao động và Tiền lương, Phòng Kỹ thuật, Phòng Tài chính-Kế toán, Phòng Hành chính, Xí nghiệp Cung ứng dịch vụ, Xí nghiệp Cơ giới, Xí nghiệp Xếp dỡ, Đội An ninh, Đội Bảo trì và Thủy đội.

3.2. Tình hình lao động Công ty

Sự phát triển của Cảng Chân Mây trong những năm qua là nhờ sự đóng góp công sức của toàn thể người lao động Công ty, cán bộ quản lý có năng lực, nhiệt huyết, đoàn kết với mục tiêu chung là xây dựng công ty ngày càng ổn định, phát triển vững mạnh. Tỷ lệ tăng trưởng lao động bình quân trong nhiệm kỳ đạt 4,5%/năm và tập trung tăng ở lực lượng lao động trực tiếp.

Tính đến hết năm 2024, Công ty có 346 CB-CNV, trong đó có 9 viên chức quản lý, lãnh đạo và lao động nữ 63 người. Lực lượng lao động trực tiếp tại Cảng hiện chiếm tỉ trọng lớn (74,6%), trong đó chủ yếu là lao động có kỹ thuật. Trong khi đó, lao động gián tiếp chiếm 7,5% tổng số lao động và lao động phụ trợ là 4,9%. Lao động có trình độ Đại học trở lên chiếm hơn 32,1%, trình độ cao đẳng và trung cấp chiếm 20,2%, trình độ sơ cấp chiếm 34,1% và lao động phổ thông là 13,6%. Qua đó, cho thấy lực lượng lao động tại Công ty có chất lượng cao, được đào tạo bài bản và lực lượng lao động trực tiếp là chủ yếu. Bên cạnh đó, lực lượng lao động tại Cảng có độ tuổi trưởng thành, có kinh nghiệm trong chuyên môn nghề nghiệp và có tinh thần kỷ luật cao.

* Quy mô, cơ cấu lao động năm 2024

Stt	Tiêu chí phân loại	ĐVT	Số lao động	Tỷ trọng
I	Theo giới tính	Người	346	100%
1.	Nam	Người	283	81,7%
2.	Nữ	Người	63	18,3%
II	Theo chức năng	Người	346	100%
1	Lao động quản lý	Người	45	13,0%

Stt	Tiêu chí phân loại	ĐVT	Số lao động	Tỷ trọng
	+ Quản lý cấp cao	Người	9	2,6%
	+ Quản lý cấp trung	Người	36	10,4%
2	Lao động gián tiếp	Người	26	7,5%
3	Lao động trực tiếp	Người	258	74,6%
4	Lao động phụ trợ	Người	17	4,9%
III	Theo trình độ chuyên môn	Người	346	100%
1	Trình độ Đại học trở lên	Người	111	32,1%
2	Trình độ Cao đẳng	Người	26	7,5%
3	Trình độ Trung cấp	Người	44	12,7%
4	Trình độ Sơ cấp	Người	118	34,1%
5	Trình độ phổ thông	Người	47	13,6%

4. Tình hình thực hiện dự án đầu tư

Công ty đã triển khai đầy đủ các bước thủ tục đầu tư, thi công hoàn thiện một số dự án, hạng mục kịp thời phục vụ công tác sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2020-2024, cụ thể như sau:

- Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ mở rộng kho bãi Bến số 1 hoàn thành vào tháng 6/2020.

- Quy hoạch chi tiết 1/500 Bến số 1 - Cảng Chân Mây đã được Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp Tỉnh phê duyệt. Hoàn thành Cập nhật cơ sở dữ liệu hiện trạng và đồ án quy hoạch và cơ sở dữ liệu GIS/HUE.

- Công trình nhà kho 2500m² được đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng vào tháng 08/2023.

- Thi công hoàn thành và đưa vào sử dụng hạng mục Nâng cấp bãi (Bãi phục vụ làm hàng container).

- Đầu tư phần mềm quản lý container: hoàn tất cài đặt phần mềm, chuyển giao công nghệ và đưa vào sử dụng vào năm 2023.

- Hoàn thành lắp đặt hệ thống Hàng rào kho bãi Bến số 1, Hàng rào nhà kho 7000m² đảm bảo tính thẩm mỹ, đúng mẫu quy định và chức năng che chắn hàng hóa.

- Hoàn thành hạng mục Sửa chữa định kỳ 02 tàu lai Chân Mây 01 và Chân Mây 02 vào năm 2023.

- Mua sắm vật tư thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh: Cáp thép cần trục, Mua sắm cáp tải cần cẩu Gottwald HMK 170E, Hạng mục mua sắm đệm tựa tàu 1300H, Hạng mục cải tạo nâng cấp tang cáp điện đầu cần cẩu Gottwald HMK 170E

Handwritten signature

- Lập hồ sơ bổ sung công năng tiếp nhận tàu khách du lịch và kiểm định nâng cấp Bến số 2 được tiếp nhận tàu hàng có trọng tải đến 70.000 tấn: đang tiến hành thủ tục.

- Dự án xây dựng Bến số 02 - Cảng Chân Mây (Giai đoạn hoàn thiện): đã trình Bộ GTVT thẩm định thiết kế bản vẽ thi công giai đoạn hoàn thiện.

+ Đánh giá tác động môi trường: đơn vị tư vấn đang Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, Lập hồ sơ xin cấp giấy phép nhận chìm, Giao khu vực biển đổ chất nạo vét Bến số 2.

+ Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư (Thời gian hoàn thành dự án Quý IV năm 2026).

- Nạo vét điều chỉnh luồng, vũng quay tàu của Bến trong (120m): Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường bến số 1, Lập hồ sơ xin cấp giấy phép nhận chìm, Giao khu vực biển đổ chất nạo vét.

- Nạo vét duy tu vùng đậu tàu Bến số 1 – Cảng Chân Mây: Để thực hiện được nạo vét phải thực hiện lại hồ sơ môi trường (lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập hồ sơ giao khu vực biển, hồ sơ nhận chìm vật chất nạo vét). Dự kiến hồ sơ môi trường sẽ hoàn thành trong quý I/2025, và triển khai thi công quý II năm 2025 và hoàn thành nạo vét duy tu trong quý III/2025.

- Thiết lập khu neo chuyển tải hàng tổng hợp, hàng rời cho tàu có tải trọng đến 200.000 DWT tại Vịnh Chân Mây: ngày 23/7/2024 Cục Hàng hải Việt Nam đã có Quyết định số 1051/QĐ-CHHVN về việc công bố mở khu chuyển tải tại Chân Mây để tiếp nhận tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài vào, rời neo đậu, chuyển tải.

- Sửa chữa Bến số 1 năm 2022: hoàn thành công trình trong năm 2024.

- Sửa chữa Bến số 1 năm 2023: khởi công xây dựng ngày 16/5/2024 và đang triển khai thi công.

- Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp Bến số 1: đã hoàn thành trong năm 2024 và đang vận hành chạy thử.

- Lắp đặt hệ thống PCCC kho bãi mở rộng Bến số 1 – Cảng Chân Mây: đã có thẩm duyệt thiết kế PCCC của phòng cảnh sát PCCC & CNCH số 87/TD-PCCC ngày 4/10/2024, dự kiến hoàn thành quý II năm 2025.

- Hạng mục mua sắm xe nâng 10 tấn: nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng tháng 12/2024.

- Hoàn thành hạng mục bổ sung công năng cho Bến số 1 để đón tàu hàng container: Cục Hàng hải Việt Nam ra quyết định số 1549/QĐ-CHHVN ngày 15/10/2024 bổ sung Quyết định số 949/QĐ-CHHVN ngày 16/11/2005 với nội dung Tuyến mép bên phía biển được tiếp nhận tàu chở hàng container có trọng tải đến 45.000DWT giảm tải với mư ớc tối đa $\leq 10,0m$.

* Giá trị giải ngân dự án đầu tư trong nhiệm kỳ 2020-2025

Năm	ĐVT	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	Ghi chú
2020	Triệu đồng	60.389	60.887	
2021	Triệu đồng	14.707	14.707	
2022	Triệu đồng	12.781	56.455	
2023	Triệu đồng	26.382	25.340	
2024	Triệu đồng	21.812	21.533	
Tổng cộng:		136.071	178.922	

(Chi tiết tình hình đầu tư dự án nhiệm kỳ 2020-2025 kèm theo báo cáo)

5. Kết quả thực hiện các công tác khác

5.1. Về thực hiện chế độ cho người lao động

Công ty luôn thực hiện đúng đầy đủ các khoản BHXH, BHYT và BHTN theo quy định với tổng số tiền 37.768 triệu đồng trong 5 năm 2020-2024; tổ chức mua Bảo hiểm con người kết hợp và Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho toàn thể CB-CNV. Đồng thời, hoàn tất thủ tục và giải quyết thanh toán các chế độ cho người lao động, cụ thể:

- + Chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức cho 343 trường hợp với số tiền 831 triệu đồng.

- + Chế độ hưu trí cho 6 trường hợp;

- + Chế độ tai nạn lao động cho 5 trường hợp, trong đó 2 trường hợp trợ cấp 1 lần với số tiền 88,4 triệu đồng và 3 trường hợp trợ cấp hàng tháng;

- + Chế độ mai táng cho 2 trường hợp với số tiền 29,8 triệu đồng;

- + Chế độ tử tuất 1 lần cho 1 trường hợp số tiền 174,5 triệu đồng;

- + Chế độ tử tuất hàng tháng 1 trường hợp, số tiền: 2,7 triệu đồng/tháng;

Ngoài ra, Công ty thực hiện chi tổng số tiền 3.415 triệu đồng bồi dưỡng bằng hiện vật cho 243 lao động thuộc công việc nguy hiểm, nặng nhọc, độc hại.

Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2024 đạt mức 17,08 triệu đồng/người/tháng;

5.2. Công tác tài chính, tổ chức hành chính

Về công tác thường xuyên hàng năm, Công ty hoàn tất đầy đủ, đúng qui định các công tác kiểm kê tài sản, công tác kiểm toán độc lập, phát hành Báo cáo tài chính và Báo cáo kế toán quản trị, Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm. Công ty chú trọng công tác theo dõi, thu hồi công nợ đối với khách hàng nợ quá hạn, đảm bảo dòng tiền cho đơn vị.

Hoàn thành hồ sơ và tổ chức thành công Hội nghị người lao động hàng năm, Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Hoàn thành hồ sơ An ninh cảng biển hàng năm, hồ sơ bổ sung đánh giá ANCB khu neo chuyển tải. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV,...

5.3. Công tác an ninh trật tự và kiểm soát tải trọng

Công ty luôn chú trọng duy trì công tác kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm liên quan đến an ninh, trật tự tại cảng. Công tác bảo đảm an ninh trật tự tại Cảng đã được triển khai đồng bộ và hiệu quả, góp phần tạo môi trường làm việc an toàn, ổn định cho các hoạt động tại Cảng. Công tác quản lý an ninh trật tự được Đội An ninh thường xuyên theo dõi, kết hợp công tác tuần tra, giám sát qua hệ thống camera.

- Phương tiện ra vào làm hàng được phân luồng, điều phối hợp lý không để ách tắc giao thông. Thực hiện thủ tục ký bản cam kết An ninh cảng biển theo quy định của Cục hàng hải Việt Nam.

- Về công tác PCCC, Công ty thực hiện tốt công tác PCCC, thường xuyên kiểm tra công cụ PCCC, những điểm có nguy cơ tiềm ẩn về PCCC kịp thời đề xuất kiến nghị những vấn đề không đảm bảo an toàn về PCCC. Tổ chức và tham gia diễn tập, tập huấn về công tác PCCC & CNCH, đến nay chưa xảy ra vụ việc hay sự cố liên quan đến cháy nổ.

Công tác kiểm soát tải trọng tại Cảng Chân Mây được thực hiện tốt, đảm bảo kiểm soát 100% phương tiện làm hàng tại Cảng. Không có trường hợp nào vi phạm tải trọng trong phạm vi khu vực cảng.

PHẦN HAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2026 - 2030

I. Mục tiêu kinh doanh nhiệm kỳ 2026 - 2030

1. Mục tiêu

Mục tiêu chung phát triển Cảng Chân Mây là phấn đấu luôn ở nhóm cảng biển loại I, đóng vai trò chủ lực trong hệ thống cảng biển Việt Nam, cửa ngõ thông thương hàng hải với quốc tế, là mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng logistics của Việt Nam. Đồng thời, tận dụng mọi nguồn lực, lợi thế địa lý để phát triển Cảng Chân Mây trở thành cảng biển tổng hợp hiện đại trong khu vực, là động lực để phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Thừa Thiên Huế và vùng lân cận. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2030 được xây dựng với các mục tiêu cụ thể sau:

- Đảm bảo đạt các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm kỳ 2026-2030, trong đó đạt kết quả kinh doanh có lãi theo kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.

- Tập trung, nâng cao hiệu quả hơn nữa các dịch vụ chính đang triển khai. Nâng cao chất lượng dịch vụ xếp dỡ hàng rời và hàng tổng hợp đạt kỳ vọng khách hàng, phát triển dịch vụ container tăng trưởng đều qua các năm.

- Đầu tư hoàn thiện Bến số 2 cùng hệ thống kho bãi đáp ứng yêu cầu về cơ sở hạ tầng cần thiết cho nguồn hàng rời và hàng container.

- Nâng cấp thành công năng lực tiếp nhận của Bến 1&2 lên 70.000DWT.

- Đưa vào khai thác khu neo chuyển tải 200.000 DWT tại vịnh Chân Mây.

- Đầu tư các hạng mục cần thiết trên cơ sở thực hiện quy hoạch 1/500 đã được phê duyệt.

- Đảm bảo việc làm, thu nhập, chế độ phúc lợi, ổn định đời sống cho tất cả người lao động của Công ty đồng thời đảm bảo năng suất lao động.

*** Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030**

Chỉ tiêu	Sản lượng		Doanh thu dịch vụ (Triệu đồng)	Lợi nhuận trước thuế (Triệu đồng)
	Hàng rời, hàng khác (Tấn)	Container (TEU)		
Năm 2026	6.000.000	11.650	401.000	11.755
Năm 2027	6.350.000	12.260	416.000	16.298
Năm 2028	6.700.000	12.870	430.000	24.172
Năm 2029	7.100.000	13.480	445.000	33.012
Năm 2030	7.500.000	14.090	456.000	38.447

2. Cơ hội và thách thức trong nhiệm kỳ 2026-2030

Cơ hội và thách thức trong quá trình hoạt động khai thác Cảng nhiệm kỳ 2026-2030 được nhận diện như sau:

2.1. Cơ hội

- Cảng Chân Mây nằm cửa ngõ thuận lợi của tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây giúp rút ngắn khoảng cách vận chuyển đường bộ, hạ tầng giao thông đồng bộ. Hàng hóa quá cảnh như than, quặng, nông sản,...từ Lào xuất đi các nước bằng cảng biển Việt Nam dự báo tiếp tục tăng mạnh. Từ năm 2027 trở đi khi các hạ tầng tại khu vực cửa khẩu Lào qua Việt Nam được quan tâm nâng cấp cũng như thủ tục thông quan được cải thiện thông suốt, hàng hóa quá cảnh qua các cảng biển miền Trung dự báo tăng đột phá.

- Năm 2024, một số nguồn hàng dăm gỗ, ván ép MDF,...từ tỉnh Quảng Trị đã chuyển hướng xuất qua cảng Chân Mây do các cảng gần nguồn nguyên liệu không đáp ứng điều kiện hạ tầng cảng. Nguồn hàng này dự báo sẽ tiếp tục tăng ổn định trong các năm 2025 và 2026.

- Việc tỉnh Thừa Thiên Huế được Chính phủ phê duyệt thành lập Thành phố trực thuộc Trung ương từ năm 2025 sẽ là động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng xuất nhập khẩu hàng hóa cũng như phát triển ngành logistics khu vực

Thừa Thiên Huế thông qua nhiều dự án lớn phát triển hạ tầng đô thị và phát triển dịch vụ, công nghiệp trong các năm tiếp theo.

- Sau hơn hai năm thực hiện, Nghị quyết 18/2022/NQ-HĐND về thí điểm một số chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container và các đối tượng có hàng hóa vận chuyển bằng container đi, đến cảng Chân Mây tỉnh Thừa Thiên Huế của Hội đồng nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế đã giúp giảm bớt gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp, củng cố niềm tin từ các nhà đầu tư, thúc đẩy môi trường hợp tác và kinh doanh thuận lợi. Nghị quyết được tiếp tục thực hiện trong năm 2025 nhằm hỗ trợ đối với chủ hàng và chủ tàu, tăng cường sự phối hợp giữa chính quyền địa phương, cảng, hãng tàu và doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại; khẳng định vai trò của Cảng Chân Mây trong mạng lưới logistics khu vực. 5. Đây là

- Công ty Cổ phần Kim Long Motor Huế là dự án kinh tế trọng điểm, thiết lập tại Khu kinh tế Chân Mây, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kim Long Motor Huế với quy mô sản xuất khoảng 500 xe/tháng (giai đoạn 1) và nâng lên công suất 108.800 xe/năm trong giai đoạn tiếp theo đã tiến hành xuất lô hàng ô tô thành phẩm đầu tiên qua cảng Chân Mây vào đầu tháng 12/2024. Bên cạnh đó, các lô hàng thiết bị, dây chuyền lắp ráp thiết lập nhà máy (giai đoạn tiếp theo) đang được xem xét nhập khẩu qua Cảng Chân Mây. Đây được xem là cơ hội lớn đối với Cảng Chân Mây khi sản phẩm của Kim Long Motor đang xuất xưởng với số lượng lớn trong thời gian tới.

- Đê chắn sóng Chân Mây giai đoạn 1 với chiều dài 450m hoàn thành đưa vào khai thác từ năm 2020 đã giúp che chắn Bến số 1, hạn chế tác động rung lắc lên tàu thuyền khi thời tiết xuất hiện sóng to gió lớn. Trên thực tế, đê chắn sóng đã góp phần giảm thiểu thời gian dừng làm hàng do thời tiết. Cuối năm 2022, đê chắn sóng giai đoạn 2 đã được khởi công và dự kiến hoàn thành vào đầu năm 2026. Công trình đê chắn sóng hoàn thiện sẽ tạo điều kiện hoạt động cho các Bến số 1 và Bến số 2 đạt hiệu quả nhất.

- Khu chuyên tải 200.000DWT tại vịnh Chân Mây đã được Cục Hàng hải Việt Nam công bố đưa vào hoạt động với khu chuyên tải đường kính 1.000m, tiếp nhận tàu hàng rời cỡ trọng tải đến 200.000 tấn. Đây là hợp tác kinh doanh giữa Công ty CP Cảng Chân Mây và Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Vận tải Vinalift nhằm tiếp nhận tàu hàng rời quốc tế cỡ lớn và hàng hóa được định hướng trung chuyển qua hệ thống Bến số 1 và Bến số 2 - Cảng Chân Mây.

2.2. Thách thức

- Cảng Chân Mây hiện vẫn trong tình trạng thiếu cơ sở hạ tầng kho bãi, và phương tiện thiết bị xếp dỡ do tình hình tài chính vẫn còn khó khăn. Các thiết bị đã hoạt động trên 20 năm, chất lượng còn lại chỉ đạt khoảng 40% đến 50%, tần suất làm hàng liên tục và không ngừng có thiết bị dự phòng dẫn đến hư hỏng, sự



cổ thường xuyên. Tình trạng này là hạn chế lớn góp phần giảm năng suất xếp dỡ và hiệu quả khai thác chung của Cảng.

- Độ sâu trước bến 1 hiện bị bồi lắng và bến 2 chưa đạt độ sâu thiết kế để đón tàu tải trọng tối đa cho phép. Trong khi đó, thủ tục cấp phép và công tác nạo vét đối với khu nước trước Bến số 1 và Bến số 2 cần có thời gian để thực hiện và hoàn thành. Tình trạng này đã ảnh hưởng cực kỳ lớn đến hiệu quả khai thác cầu cảng khi xu hướng cỡ tàu dùng cho vận tải biển quốc tế ngày càng lớn hơn.

- Cảng Hào Hưng đã hoạt động từ năm 2021, hiện nay không ngừng đầu tư và hoàn thiện chất lượng dịch vụ, tăng khả năng cạnh tranh trực tiếp tại khu vực Chân Mây. Bên cạnh đó, khả năng linh hoạt trong hoạt động kinh doanh và cơ chế giá cả là yếu tố then chốt giúp Cảng Hào Hưng Huế nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút khách hàng.

- Dự án Cảng Mỹ Thủy (tại Hải Lăng - Quảng Trị) đang gấp rút thi công và dự kiến hoàn thành bến đầu tiên vào năm 2025, dự báo dẫn đến nguy cơ Cảng Chân Mây mất nguồn hàng hiện có từ khu vực Quảng Trị (cát trắng, cát vàng, dăm gỗ,...) hàng than, quặng từ Lào và hàng cát, dăm gỗ từ Phong Điền.

- Cảng Liên Chiểu được đầu tư hiện đại, có vị trí giao thông thuận lợi với quy mô tầm quốc tế, dự kiến công trình hoàn thành giai đoạn 1 và đưa vào hoạt động cuối năm 2025. Dự báo Cảng Liên Chiểu sẽ thu hút một lượng hàng Lào vận chuyển qua cửa khẩu Nam Giang (Quảng Nam) và một số hàng khác.

- Việc đảm bảo các quy định về môi trường trong quá trình khai thác các mặt hàng rời như than, quặng đang là một thách thức lớn, đòi hỏi sự đầu tư các hạng mục đảm bảo môi trường và công tác điều hành và giám sát nghiêm ngặt của Công ty.

- Ngoài ra, thế giới còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn có khả năng ảnh hưởng tiêu cực đối với nền kinh tế toàn cầu nói chung và đối với ngành vận tải biển, cảng biển nói riêng.

II. Cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực Cảng

Cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật Công ty hiện khai thác và sử dụng như sau:

1. Cơ sở hạ tầng

1.1. Bến cập tàu

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây hiện đang khai thác hai cầu cảng với tổng chiều dài tuyến mép bến lên đến 771m, bao gồm:

+ Bến số 1 với 480m cầu bến, trong đó tuyến bến phía biển có thể khai thác 371m (bao gồm 300m cầu cảng và 02 trụ neo), độ sâu thiết kế trước bến đạt -12,5m, đủ khả năng tiếp nhận các tàu hàng tải trọng đến 50.000DWT, tàu container 45.000 DWT và tàu du lịch quốc tế cỡ lớn có chiều dài đến 362m,

trọng tải 225.282GRT. Tuyến mép bên phía bờ dài 120m của Bến số 1 có độ sâu -6,1m, đủ khả năng tiếp nhận tàu hàng 3.000DWT.

+ Bến số 2 với chiều dài 280m có năng lực tiếp nhận tàu hàng tải trọng đến 50.000 DWT và tàu container 35.000DWT.

1.2. Thiết bị

Thiết bị xếp dỡ và thiết bị hoạt động trên bãi hiện có của Cảng Chân Mây được thống kê như sau:

Stt	Thiết bị	ĐVT	Số lượng	Năng lực	Ghi chú
1	Cầu bờ di động Gottwald	Chiếc	01	63 tấn	
2	Cần trục đa năng	Chiếc	02	45 tấn	
3	Cầu bánh lốp	Chiếc	01	27,5 tấn	
4	Cầu bánh xích	Chiếc	05	60-100 tấn	01 cầu 90T của K/hàng
5	Xe nâng chụp container	Chiếc	02	45 tấn	Thiết bị thuê
6	Xe xúc lật	Chiếc	02	1- 3m ³	
7	Xe nâng	Chiếc	04	3-5-10 tấn	
8	Cân điện tử	cầu cân	04	80 tấn - 100 tấn	
9	Gàu ngoạm các loại dung tích	Chiếc	07	3 – 8 m ³	
10	Ben đựng hàng	Chiếc	02	10 m ³	
11	Trạm biến áp	Trạm	02		
12	Máy phát điện	Chiếc	02	100-250KVA	
13	Xe hút bụi	Chiếc	01		
14	Xe tưới nước	Chiếc	02		1 xe thuê
15	Xe đưa đón CN 16-29 chỗ	Chiếc	02		

* Tàu lai dắt

STT	Tàu lai	ĐVT	Số lượng	Công suất máy
1	Chân Mây 01	Chiếc	01	1.006 HP
2	Chân Mây 02	Chiếc	01	1.800 HP

Handwritten signature

* Kho bãi

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Nhà kho			
1	Nhà kho 1	01	1.980	
2	Nhà kho 2	01	7.000	
3	Nhà kho 3	01	2.239,6	Kho ngoại quan
II	Bãi hàng			
1	Bãi cảng	01	92.000	

2. Năng suất xếp dỡ

Với cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thiết bị chuyên dụng và nhân sự hiện nay, năng suất xếp dỡ tại Cảng đối với từng loại hàng như sau:

- + Hàng bao: 1.000 tấn/máng /ngày;
- + Hàng rời: 3.000 - 4.000 tấn/máng cầu/ngày (riêng gỗ dăm năng suất đạt 7.000 tấn GMT/băng tải/ngày);
- + Hàng bách hóa: 500 - 1.000 tấn/máng/ngày;
- + Hàng container 30 moves/2 cầu/giờ.

III. Tình hình cạnh tranh

Với mật độ cảng dày đặc như hiện nay, tình hình cạnh tranh đối với Cảng Chân Mây ngày càng trở nên gay gắt. Các khách hàng có cơ hội xem xét chọn lựa cảng có dịch vụ cung ứng tốt nhất, giá thành thấp và các chính sách ưu tiên khác. Khách hàng có cơ sở để yêu cầu giảm giá cước xếp dỡ, yêu cầu ưu tiên làm hàng, sắp xếp lịch tàu và tăng chất lượng dịch vụ... Các cảng ở khu vực lân cận có khả năng cạnh tranh cao đối với cảng Chân Mây hiện gồm có Cảng Hào Hưng Huế, Cảng Đà Nẵng, Cảng Thuận An, Cảng Chu Lai, Cảng Hòn La, Cảng Cửa Việt.

1. Cảng Hào Hưng

Bến số 03 – Khu Bến Chân Mây với diện tích 12 ha, tổng mức đầu tư hơn 846 tỷ đồng, chiều dài cầu cảng 270m do Công ty TNHH Hào Hưng Huế làm chủ đầu tư đã hoàn thành và đưa vào hoạt động vào giữa năm 2021. Đây là cảng tổng hợp, cung cấp các dịch vụ khai thác cảng và Logistics đảm bảo cho tàu và các phương tiện vận tải thủy trọng tải đến 50.000 DWT ra vào bốc dỡ hàng, tạo nên sự cạnh tranh lớn trong lĩnh vực cảng biển. Việc bến số 03 đi vào hoạt động làm tăng nguồn cung cầu bến tại khu vực Chân Mây, tạo sự cạnh tranh với Cảng Chân Mây là tất yếu trong quy luật thị trường. Năm 2022, lượng hàng dăm gỗ và sản lát qua Bến số 1 và Bến số 2 của Công ty bắt đầu dịch chuyển sang xếp dỡ thông qua tại Bến số 3 nói trên.

Cảng Hào Hưng Huế hiện nay không ngừng đầu tư và hoàn thiện chất lượng dịch vụ, tăng khả năng cạnh tranh trực tiếp tại khu vực Chân Mây.

2. Cảng Đà Nẵng

Với lịch sử hơn 120 năm xây dựng và phát triển, Cảng Đà Nẵng đến nay đã và đang chứng tỏ được vị trí quan trọng của mình trong việc phát triển kinh tế trong khu vực cũng như khẳng định tầm vóc là cảng biển lớn nhất miền Trung Việt Nam. Với vị trí nằm trong Vịnh Đà Nẵng và được che chắn bởi đê chắn sóng dài 450m, Cảng Đà Nẵng rất thuận lợi cho tàu cập và làm hàng quanh năm. Cảng có thể tiếp nhận tàu hàng đến 50.000 DWT, tàu container 2.500 TEU, tàu khách đến 151.300 GRT, dài 335 m. Cảng có hệ thống giao thông đường bộ khá tốt nối liền thông suốt các tuyến đường; đặc biệt Cảng Đà Nẵng được xác định là cửa ngõ chính của tuyến Hành lang kinh tế Đông Tây (EWEC).

Với vị trí vô cùng thuận lợi như vậy, Cảng Đà Nẵng được xem là cảng biển có quy mô hiện đại và quan trọng nhất ở miền Trung Việt Nam. Cảng Đà Nẵng định hướng phát triển theo 2 trụ cột chính. Thứ nhất, Cảng tập trung nâng cao dịch vụ khai thác cảng, phục vụ tàu container, tàu khách, tàu chuyên dụng trọng tải lớn. Thứ hai, đầu tư phát triển dịch vụ logistics tăng cường kết nối Cảng với vùng hậu phương.

3. Cảng Thuận An, Cảng Cửa Việt, Cảng Hòn La

Cảng Thuận An, Cảng Cửa Việt, Cảng Hòn La là các cảng biển quy mô nhỏ, mớn nước và chiều dài cầu tàu hạn chế chỉ có thể tiếp nhận tàu cỡ nhỏ đến 3.000 DWT; tuy nhiên do nằm ở vị trí có kết nối giao thương và Giao thông thuận lợi, ngoài ra khu Thuận An được cấp phép kết nối vùng chuyển tải trong thời gian qua và là đối thủ cạnh tranh trực tiếp các thị trường giáp ranh đặc biệt là thị trường trên tuyến hành lang Kinh tế Đông Tây nên các cảng này góp phần vào tình hình cạnh tranh đối với Chân Mây.

4. Cảng Mỹ Thủy (Quảng Trị)

Cảng Mỹ Thủy có quy hoạch hiện đại, quy mô lớn, khả năng tiếp nhận tàu container cỡ lớn 100.000 DWT, tàu hàng rời 100.000 DWT và tàu tổng hợp (50.000 DWT), vị trí gần biên giới Lào giúp cảng này trở thành điểm trung chuyển hàng hóa cho các tuyến xuất khẩu ra thế giới, thuận lợi cho việc phát triển các tuyến logistics đường bộ từ Lào qua Việt Nam và ra biển giúp cảng này trở thành một điểm trung chuyển quan trọng, đặc biệt trong hoạt động xuất khẩu từ Lào và các khu vực khác trong nội địa. Dự kiến, công trình cảng Mỹ Thủy giai đoạn 1 sẽ đưa vào khai thác trong năm 2025.

5. Cảng Liên Chiểu (Đà Nẵng)

Tháng 12/2022, dự án Cảng Liên Chiểu được động thổ khởi công và dự kiến hoàn thành 2 bến ban đầu vào tháng 12/2025 với năng lực tiếp nhận tàu trọng tải lên đến 100.000 tấn, cũng như các tàu container có sức chứa tới 8.000 TEU. Cảng Liên Chiểu có quy mô lớn nhất miền Trung, là một trong 3 cảng biển

lớn nhất Việt Nam và sẽ là điểm trung chuyển quan trọng cho các tuyến vận tải quốc tế đi qua Việt Nam. Khu hậu cần cảng rộng lớn và hoàn thiện với diện tích 95 ha. Cảng Liên Chiểu được xây dựng nhằm giải quyết vấn đề quá tải của cảng Tiên Sa và các cảng trong khu vực, hướng đến mục tiêu phát triển Đà Nẵng là trung tâm logistics quốc tế. Hàng hóa qua cảng Liên Chiểu gồm hàng hóa từ các khu công nghiệp của thành phố Đà Nẵng, các vùng lân cận và gồm cả nguồn hàng hóa từ Lào.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2026-2030

1. Kế hoạch sản lượng thông qua

Tuy tình hình thị trường vẫn tồn tại nhiều thách thức nhưng trong điều kiện thuận lợi khai thác 2 cầu cảng, sản lượng hàng hóa năm 2024 thông qua Cảng đạt tăng trưởng 36,3% so với cùng kỳ, lượt tàu tăng 14,2%. Giai đoạn 2026-2030, Công ty xây dựng kế hoạch với các chỉ tiêu sản lượng hàng rời tăng trưởng ổn định, sản lượng hàng container dự kiến tăng nhẹ. Ở mức sản lượng đến 7,5 triệu tấn hàng rời và hàng tổng hợp khác, cầu bến đã gần như khai thác hết công suất. Để đạt được kế hoạch đề ra, Công ty tiếp tục xây dựng các phương án cải thiện năng suất xếp dỡ như bổ sung thiết bị xếp dỡ, nghiên cứu sử dụng hệ thống băng tải cho hàng than, quặng,... Công tác phân chia chức năng và điều phối hàng hóa đối với các bến được tính toán kỹ, kinh hoạt phù hợp thực tế khai thác nhằm tối ưu hóa công suất khai thác, giảm thiểu chi phí phát sinh cho khách hàng.

Sản lượng hàng giai đoạn 2026-2030 dự kiến như sau:

Stt	Sản lượng	Kế hoạch 2026	Kế hoạch 2027	Kế hoạch 2028	Kế hoạch 2029	Kế hoạch 2030
I	Hàng rời+hàng khác (Tấn)					
1.	Phân theo từng bến (Tấn)	6.000.000	6.350.000	6.700.000	7.100.000	7.500.000
1.1	Bến số 1	3.000.000	3.175.000	3.350.000	3.550.000	3.750.000
1.2	Bến số 2	3.000.000	3.175.000	3.350.000	3.550.000	3.750.000
2.	Phân theo mặt hàng (Tấn)	6.000.000	6.350.000	6.700.000	7.100.000	7.500.000
2.1	Dăm gỗ	1.813.100	1.849.400	1.886.400	1.887.100	1.921.300
2.2	Than	2.661.900	2.881.200	3.124.500	3.200.000	3.300.000
2.3	Clinker	264.400	264.400	264.400	264.400	264.400
2.4	Nhựa đường	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500
2.5	Titan	-	-	-	-	-
2.6	Cát trắng	600.000	600.000	600.000	600.000	650.000
2.7	Dầu cọ	-	-	-	-	-

Stt	Sản lượng	Kế hoạch 2026	Kế hoạch 2027	Kế hoạch 2028	Kế hoạch 2029	Kế hoạch 2030
2.8	Sắn lát	-	-	-	-	-
2.9	Hàng quặng	480.800	552.400	599.100	900.000	1.100.000
2.10	Hàng khác	153.300	176.100	199.100	222.000	237.800
II	Hàng Container (TEU)	11.650	12.260	12.870	13.480	14.090
1.	Hàng xuất nhập khẩu	10.350	10.860	11.370	11.880	12.390
2.	Hàng nội địa	1.300	1.400	1.500	1.600	1.700

Sự bổ sung đầy đủ chức năng cho hai bến tại Cảng (Bến số 1 tiếp nhận tàu container đến 45.000 DWT và trong tương lai gần Bến số 2 tiếp nhận tàu khách) giúp hàng hóa có sự dịch chuyển qua lại giữa 2 bến và sản lượng trở nên cân bằng từ năm 2026 trở đi. Sau khi hoàn thành nạo vét khu nước trước bến và đầu tư hoàn thiện giai đoạn 2, Bến số 2 sẽ thiết lập cài đặt hệ thống băng tải để đảm nhận hàng dăm gỗ và một số hàng khác. Ngược lại, Bến số 1 có thể tiếp nhận tàu container khi trống cầu. Sự chuyển dịch linh hoạt này giúp giảm thời gian gián đoạn xếp dỡ hàng hóa tạo nên lợi thế cạnh tranh cho Cảng, cải thiện năng lực cầu bến và năng suất xếp dỡ.

*** Kế hoạch khai thác các mặt hàng chính:**

- *Hàng dăm gỗ*: các khách hàng dăm gỗ hiện chủ yếu tập trung tại Khu kinh tế Chân Mây và một số khách hàng ở huyện Phong Điền (Thừa Thiên Huế) và huyện Hải Lăng (Quảng Trị). Sản lượng dăm gỗ trong các năm tiếp theo dự báo khó tăng trưởng hoặc giảm nhẹ so với năm 2024, do có khả năng phải chia sẻ thị trường Phong Điền và Hải Lăng cho Cảng Mỹ Thủy.

- *Hàng than*: Hàng than qua Cảng Chân Mây hiện gồm than nội địa và than nhập khẩu từ Lào, phục vụ nhu cầu năng lượng quốc gia. Nguồn hàng than tiếp tục tăng đều vào năm 2025 và các năm tiếp theo để phục vụ các dự án nhiệt điện và giữ tỷ trọng lớn trong cơ cấu hàng hóa xếp dỡ tại Cảng. Hàng than tăng sẽ kéo theo nhu cầu lưu bãi tại khu vực Cảng tăng.

- *Hàng clinker*: Clinker là nguyên liệu chính sản xuất xi măng, hàng clinker qua cảng Chân Mây là nguồn từ các nhà máy trên địa bàn Tỉnh. Xu hướng hàng clinker các năm gần đây giảm (sản lượng bằng 50% những năm 2020-2021) do nguồn nguyên liệu này được ưu tiên để sản xuất. Kế hoạch giai đoạn 2025-2030 dự báo sản lượng giữ nguyên quy mô 264.400 tấn.

- *Hàng cát trắng*: sản lượng cát trắng tăng trưởng tốt trong năm 2022-2023, năm 2024 giảm nhẹ và dự kiến đạt sản lượng ổn định trong giai đoạn 2026-2030 do xảy ra khả năng chia sẻ hàng này với cảng Mỹ Thủy.

Signature

- *Hàng nhựa đường*: Mặc dù có tỷ trọng khá thấp nhưng hàng nhựa đường đặt tổng kho tại Chân Mây nên lượng hàng nhập khẩu qua Cảng khá đều đặn, mang lại nguồn doanh thu ổn định cho Cảng.

- *Hàng quặng*: là mặt hàng mới quá cảnh trong thời gian gần đây. Hàng quặng (quặng nhôm bô-xít) hiện được khai thác từ các mỏ của Lào vận chuyển về Chân Mây lưu bãi ngoại quan để xuất khẩu đi các nước. Dự kiến sản lượng hàng này tăng trong giai đoạn 2026-2030, tăng trưởng 8,5%-15% trong các năm 2025-2028 và tăng trưởng mạnh trong năm 2029 (50%) và năm 2030 (22%).

- *Các hàng tổng hợp khác* gồm thiết bị, vỏ bã điều, viên nén, cọc bê tông, đất nguyên liệu, nông sản,...tăng trưởng bình quân 12,8% mỗi năm.

*** Kế hoạch khai thác hàng container**

Công ty đã hoàn tất thủ tục bổ sung công năng đón tàu container đối với Bến số 1, được công bố theo Quyết định 1549/QĐ-CHVN ngày 15/10/2024 của Cục Hàng hải Việt Nam nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, nâng cao năng lực thông qua của Cảng. Bên cạnh đó, Công ty đã tham vấn đơn vị tư vấn về phương án thuê thiết bị 100 tấn phục vụ làm hàng container, hàng rời, hàng khác. Theo báo cáo tư vấn, thiết bị bổ sung cần thiết là cần trục đa năng 100T bốc xếp hàng container ở row 12-13 trở lên, công suất đạt 15-20 move/giờ kết hợp xếp dỡ các loại hàng rời, hàng khác đảm bảo năng suất cao, tăng tốc độ giải phóng tàu.

Sản lượng container kế hoạch giai đoạn 2026-2030 dự kiến tăng trưởng bình quân 5%/năm và đạt 14.090 Teu vào năm 2030. Để đạt được chỉ tiêu kế hoạch nói trên, Công ty sẽ tích cực thực hiện công tác thuyết phục các Hãng tàu tiếp tục ký kết hợp đồng khai thác hàng container trong các năm tới, làm việc các đại lý hàng hải, các hãng tàu khác và các doanh nghiệp trên địa bàn để có thể mở thêm tuyến tàu container. Tiến hành tìm kiếm các khách hàng tiềm năng tại Quảng Trị, Quảng Bình và Lào; làm việc với khách hàng Sun Paper tại Lào về nghiên cứu hợp tác đầu tư kho bãi phục vụ hàng rời và hàng container của Sun Paper trong thời gian tới. Nghiên cứu bổ sung các thiết bị cần thiết để làm hàng container đặc chủng, quá khổ, quá tải. Bên cạnh đó, xây dựng đơn giá dịch vụ đối với hàng container vừa đảm bảo sức cạnh tranh, vừa đảm bảo hiệu quả kinh doanh và phù hợp với quy định của nhà nước, các chính sách ưu đãi dành cho hãng tàu và doanh nghiệp phù hợp trong từng giai đoạn. Đề xuất chính quyền Thành phố Huế gia hạn các chính sách hỗ trợ đối với dịch vụ khai thác container.

2. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận

2.1. Kế hoạch doanh thu

Doanh thu dịch vụ giai đoạn 2026-2030 được xây dựng dựa trên sản lượng hàng hóa kế hoạch và xu hướng phát triển của các dịch vụ khác. Doanh thu chi tiết giai đoạn 2026-2030 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Doanh thu dịch vụ	Kế hoạch 2026	Kế hoạch 2027	Kế hoạch 2028	Kế hoạch 2029	Kế hoạch 2030
I.	Doanh thu theo từng bến	401.000	416.000	430.000	445.000	456.000
1.	Bến số 1	268.900	276.650	284.650	292.850	298.500
2.	Bến số 2	132.100	139.350	145.350	152.150	157.500
II.	Doanh thu theo mặt hàng & các dịch vụ	401.000	416.000	430.000	445.000	456.000
1.	Dăm gỗ	90.000	91.800	93.600	93.600	95.300
2.	Than	89.400	96.700	103.400	106.000	108.900
3	Clinker	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300
4	Nhựa đường	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400
5	Cát trắng	15.300	15.300	15.300	15.300	16.500
6	Hàng quặng	21.900	24.600	26.300	35.500	39.000
7	Hàng khác	6.500	7.500	8.000	8.400	8.500
	Các dịch vụ khác					
8	Tàu du lịch	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000
9	Kho bãi	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
10	Xăng dầu	53.800	54.300	56.300	57.700	58.000
11	Dịch vụ khác	13.242	14.082	14.517	15.046	15.469
12	Dịch vụ gia tăng tại bãi	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000
13	Xếp dỡ container	17.158	18.018	18.883	19.754	20.631

- *Doanh thu dịch vụ xếp dỡ các mặt hàng* phần lớn dự báo ổn định. Trong đó, hàng than và hàng quặng quá cảnh từ Lào kỳ vọng tăng trưởng đều do trữ lượng lớn và nhu cầu xuất khẩu cao của nguồn hàng này. .

- *Dịch vụ tàu khách du lịch:* ngành du lịch tàu biển đã hồi phục sau dịch bệnh Covid và hoạt động sôi động trở lại tại Chân Mây. Dự kiến, mỗi năm Cảng đón khoảng 50 lượt tàu khách với 150.000 lượt du khách và thuyền viên và thu về khoảng 21.000 triệu đồng doanh thu.

- *Dịch vụ cho thuê kho bãi* dự kiến đạt ổn định ở mức 14.000 triệu đồng/năm trong giai đoạn 2025-2030 với diện tích bãi tăng khoảng 1ha và diện tích kho không đổi.

- *Doanh thu cung ứng xăng dầu* tăng nhẹ trong giai đoạn này, đạt 53.800 triệu đồng vào năm 2026 và dần tăng lên 58.000 triệu đồng vào năm 2027.

- *Dịch vụ gia tăng tại bãi* dự kiến đạt ổn định doanh thu 48.000 triệu đồng/năm.

- Dịch vụ xếp dỡ hàng container có doanh thu tăng đều qua các năm, với tỷ lệ tăng trưởng bình quân gần 5%/năm.

- Các dịch vụ khác đảm bảo doanh thu ổn định và tăng theo thời gian.

2.2 Kế hoạch lợi nhuận

Trên cơ sở kế hoạch sản lượng và doanh thu như đề cập ở trên, Công ty đã tính toán chi phí, cân đối tài chính và cho ra kết quả kinh doanh như dưới đây:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Lợi nhuận	Kế hoạch 2026	Kế hoạch 2027	Kế hoạch 2028	Kế hoạch 2029	Kế hoạch 2030
1.	Lợi nhuận trước thuế	11.755	16.298	24.172	33.012	38.447
1.1	Bến số 1	6.553	9.594	12.078	14.938	16.914
1.2	Bến số 2	5.202	6.704	12.094	18.074	21.533
2.	Lợi nhuận sau thuế	9.404	13.038	19.338	26.410	30.757
2.1	Bến số 1	5.242	7.675	9.663	11.950	13.531
2.2	Bến số 2	4.162	5.363	9.675	14.459	17.226

Thiết bị xếp dỡ tại Cảng hiện đang trong tình trạng thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu năng suất làm hàng rời và hàng container. Tham chiếu đề án tư vấn về phương án bổ sung thiết bị 100 tấn hoạt động tại Bến số 1 và sau khi tính toán điều chỉnh để phù hợp với tình hình hiện tại, chi phí thuê cầu dũ kiến phân bổ cho Bến số 1 trong các năm 2026-2030 là 16 tỷ đồng mỗi năm. Đồng thời, lượng hàng hóa chuyển dịch theo hướng từ Bến 1 sang Bến 2 và đạt đến cân bằng hai bến vào năm 2026. Doanh thu dịch chuyển theo sản lượng dẫn đến hiệu quả kinh tế khai thác sẽ tăng tại Bến 2 và giảm tại Bến 1. Đồng thời, Công ty sẽ tiếp tục vay khoảng 70 tỷ đồng phục vụ đầu tư giai đoạn hoàn thiện Bến số 2, dẫn đến phát sinh chi phí lãi vay và được phân bổ cho Bến 2. Chi phí khấu hao Bến số 2 phát sinh thêm 6,5 tỷ đồng/năm sau khi nghiệm thu Công trình cầu dẫn và nạo vét (từ 2026). (Kết quả kinh doanh giai đoạn 2026-2030 đính kèm)

III. Kế hoạch đầu tư trong nhiệm kỳ 2026-2030

Nhằm đạt các chỉ tiêu sản lượng kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2026-2030, Công ty lập kế hoạch đầu tư các dự án dự kiến triển khai với tổng giá trị giải ngân 788.000 triệu đồng. Các dự án/hạng mục cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Dự án/Hạng mục	Giá trị giải ngân
I	Dự án chuyển tiếp	
1	Đầu tư xây dựng Bến số 2 - Giai đoạn hoàn thiện	388.000

Đu

Stt	Dự án/Hạng mục	Giá trị giải ngân
2	Sửa chữa bảo trì Bến số 1	30.000
3	Kiểm định định kỳ, đánh giá an toàn kết cấu hạ tầng kết cấu hạ tầng cảng biển Bến số 1	2.000
4	Xây dựng nhà kho ngoại quan	20.000
5	Xây dựng 02 nhà kho 5.000m ²	60.000
6	Mở rộng kho bãi tiếp giáp nhà kho 7000m ²	10.000
7	Nạo vét duy tu Bến số 1	15.000
8	Dự phòng mua sắm vật tư, sửa chữa thiết bị, cải tạo nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và công trình xây dựng phục vụ SXKD	63.000
9.	Đầu tư xây dựng kéo dài 60m Bến số 1	200.000
	TỔNG CỘNG:	788.000

(Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026-2030 phân kỳ đính kèm báo cáo)

IV. Kế hoạch lao động, tiền lương và đào tạo

Trên cơ sở số lao động thực tế hiện có và xét nhu cầu lao động của một số vị trí công việc thực sự cần thiết trong tình hình sản lượng hàng hóa tăng, diện tích kho bãi tăng, kế hoạch lao động được xây dựng trong nhiệm kỳ 2026-2030 như sau:

Stt	Tiêu chí	ĐVT	Kế hoạch 2026	Kế hoạch 2027	Kế hoạch 2028	Kế hoạch 2029	Kế hoạch 2030
1	Số lao động	Người	362	377	392	407	422
2	Số lao động chênh lệch trong kỳ	Người	+15	+15	+15	+15	+15
3	Tiền lương bình quân	Tr.đồng/ người/tháng	15,76	15,57	15,40	15,34	15,09
4	Số lượt đào tạo	Lượt	540	315	594	345	653
5	Chi phí đào tạo	Tr.đồng	435	390	479	420	526

Về công tác tiền lương, các chỉ tiêu kế hoạch về mức lương bình quân và thu nhập bình quân của người lao động được đặt ra trên cơ sở doanh thu và kết quả lợi nhuận của các năm; đồng thời đảm bảo tiền lương, thu nhập và đời sống của người lao động. Tiền lương bình quân khoảng 15,41 triệu đồng/người/tháng.

Về công tác đào tạo, Công ty luôn quan tâm chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Người lao động thường xuyên được tham gia các

hu

khóa học, khóa huấn luyện và nâng cao nghiệp vụ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc, linh hoạt và thích nghi tốt trong môi trường kinh doanh đầy biến động như hiện nay. Các khóa đào tạo gồm các lớp đào tạo định kỳ theo quy định về PCCN-CHCN, An toàn vệ sinh lao động và các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

V. Kế hoạch tài chính

Trên cơ sở kế hoạch doanh thu sản lượng, kế hoạch đầu tư và năng lực tài chính hiện có, Công ty đã xây dựng kế hoạch kết quả kinh doanh giai đoạn 2026-2030 (*Kế hoạch tài chính đính kèm*).

Trong đó giai đoạn 2026-2030 công ty sẽ chủ động cân đối và sử dụng các nguồn vốn lưu động, vốn ứng trước, vốn vay để đảm bảo thực hiện các hạng mục đầu tư cần thiết và duy trì khả năng thanh toán, ổn định sản xuất kinh doanh.

Thực hiện bảo toàn và phát huy vốn nhà nước. Đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ theo quy định. Tích cực tìm kiếm các đối tác liên doanh liên kết để thực hiện các hạng mục đầu tư theo kế hoạch.

Nghiên cứu tăng cường các đối tác liên doanh liên kết, các đối tác ứng vốn khác nhằm nâng cao năng lực tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh.

VI. CÁC GIẢI PHÁP NHẪM THỰC HIỆN THÀNH CÔNG KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ 2026-2030

Nhằm thực hiện thành công kế hoạch nhiệm kỳ 2026-2030, Công ty xác định một số giải pháp nhằm thực hiện thành công đạt các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận, cụ thể như sau :

1. Giải pháp điều hành sản xuất

Tập trung cải tiến cả về Công nghệ xếp dỡ và Công nghệ quản lý, điều hành đảm bảo tăng năng suất xếp dỡ trong điều kiện cầu bến đã gần đạt công suất tối đa. Về công nghệ xếp dỡ, Công ty sẽ nghiên cứu và kêu gọi hợp tác đầu tư để sớm đưa vào sử dụng hệ thống băng tải xếp dỡ các loại hàng than, hàng quặng,...nhằm đạt năng suất tối ưu, cải thiện tình hình năng suất chưa cao khi sử dụng cầu bờ và cầu tàu hiện nay. Về công nghệ quản lý, nghiên cứu sắp xếp lịch tàu, tiếp nhận đăng ký tàu đến khoa học hơn, không để thời gian trống cầu gây lãng phí, điều chỉnh phương án khai thác hợp lý, nâng cao chất lượng dịch vụ toàn diện, giảm thao tác thừa trong sản xuất để tăng năng suất xếp dỡ, giảm thời gian tàu chờ, đảm bảo quy định về an toàn vệ sinh môi trường. Nghiên cứu áp dụng phần mềm và công nghệ thông tin trong quản lý khai thác cảng.

Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư về cơ sở vật chất hạ tầng, bổ sung các phương tiện, thiết bị mới, nâng cấp các phương tiện thiết bị đang sử dụng để đáp ứng được sự tăng trưởng của hàng hóa thông qua Cảng, phát triển khai thác tối ưu vị thế của một cảng nước sâu. Trong tình hình hạn chế về tài chính, tăng cường phương tiện thiết bị xếp dỡ bằng hình thức thuê hoặc hợp tác kinh doanh

nhằm tăng năng suất xếp dỡ đối với các mặt hàng như than, cát trắng, Clinker, thiết bị...

2. Giải pháp thị trường

Công ty đã chú trọng đến công tác marketing trong những năm qua, tuy nhiên cần tiếp tục hoàn thiện hơn nhằm xây dựng Cảng Chân Mây trở thành một trong những thương hiệu cảng biển hàng đầu tại khu vực miền Trung. Các hoạt động cụ thể như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện biểu giá dịch vụ cảng biển và điều chỉnh để phù hợp với giá cả thị trường hàng năm, công khai niêm yết trên website của Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho mọi khách hàng tiếp cận dễ dàng.

- Tăng cường quảng bá, nghiên cứu chế độ chính sách đối với riêng mỗi nhóm khách hàng. Kiến nghị các cơ quan ban ngành các tỉnh liên quan để có sự liên kết thông thoáng thủ tục trong quá trình xuất nhập khẩu, thông quan hàng hóa, hỗ trợ khách hàng giải quyết các thủ tục về cảng vụ, hải quan,...

- Về truyền thông, thực hiện nâng cấp trang web của công ty, cập nhật và chuyên tải kịp thời thông tin về khả năng cung ứng dịch vụ, năng lực bốc xếp của Cảng Chân Mây. Xây dựng và mở rộng các hình thức tiếp cận khách hàng, xúc tiến, cung cấp thông tin cần thiết đến khách hàng tiềm năng (các hình thức thông tin đại chúng như truyền hình, báo, đặt pano quảng cáo tại các vùng trọng yếu và các thị trường tiềm năng, thông qua các đơn vị đại lý, môi giới hàng hải, . Thông qua các hội nghị xúc tiến đầu tư, hội nghị khách hàng để quảng bá hình ảnh, năng lực của công ty đến các khách hàng tiềm năng; tiếp cận nguồn hàng tại Lào, tăng cường xúc tiến thị trường tiềm năng dồi dào này.

3. Giải pháp quản lý tài chính

- Ngoài việc tập trung tìm kiếm nguồn hàng mới, tăng doanh thu, Công ty sẽ chú trọng duy trì khai thác tốt các dịch vụ, các mặt hàng có hiệu quả kinh tế cao, tỷ lệ lợi nhuận trên doanh thu lớn.

- Tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý tài chính, quản lý công nợ, đẩy nhanh quy trình thanh toán, tăng cường các biện pháp thu hồi công nợ, thực hiện tốt Quy trình quản lý công nợ và phân cấp trách nhiệm cụ thể trong việc quản lý nợ của Công ty.

4. Giải pháp quản lý năng suất lao động

Nâng cao tinh thần đoàn kết, phát huy truyền thống tốt đẹp của Công ty, hoàn thiện, cải tiến hệ thống quản lý đảm bảo tính kỷ luật, tăng sức mạnh và hiệu quả của công tác quản lý.

- Xây dựng chính sách lương thưởng gắn liền với hiệu quả kinh doanh và mức độ hoàn thành công việc của từng cá nhân nhằm kích thích sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, khuyến khích phát triển tài năng, đồng thời

xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật và Nội quy lao động của Công ty đối với những lao động yếu kém, vô kỷ luật.

- Hạn chế việc ký hợp đồng lao động chưa cấp thiết, tăng cường sử dụng lao động theo hình thức thuê ngoài, thời vụ để tận dụng lực lượng lao động nhân rỗi, chỉ Về công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cần thiết cho người lao động Công ty đảm bảo đồng bộ cả về số lượng và chất lượng để đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu sản xuất kinh doanh.phí thấp.

Sản lượng kế hoạch các mặt hàng rời, hàng container và hàng khác thông qua Cảng Chân Mây giai đoạn 2026-2030 tiếp tục gia tăng, đặc biệt là các loại hàng than, quặng quá cảnh từ Lào và hàng hóa từ các dự án hoạt động tại Khu kinh tế Chân Mây, trên địa bàn Tỉnh cũng như các vùng lân cận. Tuy tình hình thế giới vẫn còn nhiều biến động, nhiều nguy cơ rủi ro vẫn còn tiềm ẩn nhưng Công ty sẽ vận dụng tất cả các nguồn lực hiện có, tranh thủ các lợi thế tự nhiên và các cơ hội phát triển, đồng thời điều hành doanh nghiệp hiệu quả bằng các giải pháp linh hoạt nhằm vượt qua các khó khăn thách thức, hoàn thành các mục tiêu giai đoạn 2026-2030 đã đề ra.

Trên đây là nội dung Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2020-2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2026-2030, Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây kính báo cáo.



11/07/2025
NG

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2020 - 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Ghi ch
			KH	KQTH (theo BCTC đã kiểm toán)	KH	KQTH (theo BCTC đã kiểm toán)	KH	KQTH (theo BCTC đã kiểm toán)	KH	KQTH (theo BCTC đã kiểm toán)	KH	KQTH (BCTC đã kiểm toán)	
1	Sản lượng												
	- Hàng rời và hàng khác	tấn	2.385.000	2.408.118	2.940.000	3.119.098	3.868.000	3.469.639	4.500.000	3.956.537	4.700.000	5.394.231	
	- Hàng container	TEUs					20.000	666	34.000	7.385	23.760	8.395	
2	Số sản phẩm bàn giao	sản phẩm											
	- Đóng mới												
	- Sửa chữa												
3	Giá trị sản xuất	tỷ đồng											
4	Doanh thu và thu nhập khác	tỷ đồng	131,600	139,137	162,000	168,621	225,150	184,205	238,000	229,583	276,400	384,742	
	Trong đó:	tỷ đồng											
	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		130,000	137,164	162,000	166,939	225,000	182,472	238,000	227,424	276,400	383,208	
	Doanh thu tài chính		1,600	1,948	0,000	1,667	0,150	1,730	0,000	2,136	0,000	1,533	
	Thu nhập khác		0,000	0,025	0,000	0,015	0,000	0,003	0,000	0,023	0,000	0,001	
5	Lợi nhuận trước thuế		5,723	15,954	1,662	2,175	0,200	-9,362	1,218	-7,388	0,467	28,491	
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	4,597	13,710	1,330	1,852	1,330	-9,362	0,974	-7,396	0,467	25,560	
7	Nộp ngân sách		3,400	6,634	3,000	0,810	0,500	0,786	0,500	0,913	0,500	3,863	
8	Tổng vốn chủ sở hữu			360,540		352,795		341,951		334,555		360,116	
9	Tổng tài sản			689,684		722,958		697,800		671,200		693,392	
10	Tổng nợ phải trả			329,143		370,163		355,800		336,633		333,276	
11	Tổng lao động	người	283	283	304	303	313	306	321	321	337	337	
12	Thu nhập bình quân	triệu đồng/ngư	10,15	10,92	9,50	11,71	10,10	10,92	11,84	11,33	11,99	17,08	

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2020 - 2025

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu kế hoạch 2020 - 2025	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Kết quả thực hiện 2020 - 2024	%TH giai đoạn so với KH giai đoạn 2020 - 2025
				KH	KQTH (theo BCTC đã được kiểm toán)	KH	KQTH (theo BCTC đã được kiểm toán)	KH	KQTH (theo BCTC đã được kiểm toán)	KH	KQTH (theo BCTC đã được kiểm toán)	KH	KQTH (số liệu chưa kiểm toán)		
1	Sản lượng														
	- Hàng rời và hàng khác	Tấn	20.538.000	2.385.000	2.408.118	2.940.000	3.119.098	3.868.000	3.469.639	4.500.000	3.956.537	4.700.000	5.394.231	18.347.623	89,3%
	- Hàng container	TEUs		-	-	-	-	20.000	666	34.000	7.385	23.760	8.395	16.446	
2	Số sản phẩm bán giao	sản phẩm													
	- Đóng mới														
	- Sửa chữa														
3	Giá trị sản xuất	tỷ đồng													
	- Đóng mới														
	- Sửa chữa														
	- Sản xuất CNPT														
	- Dịch vụ khác														
4	Doanh thu và thu nhập khác	tỷ đồng	1.329.000	131.600	139.137	162.000	168.621	375.000	184.205	238.000	229.583	276.400	384.742	1.106.288	83,2%
4.1	Doanh thu SXKD	tỷ đồng			137.164		166.939	225.000	182.472	238.000	227.424	276.400	383.208	1.097.207	
	DT tàu hàng rời và hàng khác				110.876		142.476	172.822	143.289	172.314	150.926	180.367	223.620		
	DT tàu container		0.000	0.000	0.000	0.000	0.000	22.700	0.956	26.723	8.185	31.291	11.289		
	DT tàu khách			7.082	0.000	0.000	0.000	0.000	0.481	3.000	9.827	9.000	19.876		
	DT dịch vụ khác (kho bãi, xăng dầu, điện nước, DV tại bãi,...)			19.206			24.463	29.478	37.746	35.963	58.486	55.742	128.423		
4.2	Doanh thu tài chính				1.948		1.667	150.000	1.730	0.000	2.136	0.000	1.533	9.014	
4.3	Thu nhập khác				0.025	0.000	0.015	0.000	0.003	0.000	0.023	0.000	0.001	0.067	
5	Tổng lao động	người		283	283	304	303	313	306	321	321	337	337		
6	Thu nhập bình quân	tr./người		10,15	10,92	9,50	11,71	10,10	10,92	11,84	11,33	11,99	17,08		

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY

Đơn vị báo cáo: Công ty cổ phần Cảng Chân Mây

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2026 - 2030

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2026	2027	2028	2029	2030	Ghi chú
1	Sản lượng							
1.1	Hàng rời và hàng khác	Tấn	6.000.000	6.350.000	6.700.000	7.100.000	7.500.000	
1.2	Hàng container	TEUs	11.650	12.260	12.870	13.480	14.090	
2	Số sản phẩm bàn giao							
	- Đóng mới							
	- Sửa chữa							
3	Giá trị sản xuất	tỷ đồng	401,00	416,00	430,00	445,00	456,00	
4	Doanh thu và thu nhập khác	tỷ đồng	402,00	416,50	430,50	445,40	456,40	
	Trong đó:	tỷ đồng						
4.1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		401,00	416,00	430,00	445,00	456,00	
4.2	Doanh thu tài chính		1,00	0,50	0,50	0,40	0,40	
5	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	11,755	16,298	24,172	33,012	38,447	
6	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	9,404	13,038	19,338	26,410	30,757	
7	Nộp ngân sách	tỷ đồng	8,78	9,75	11,23	12,89	13,93	
8	Tổng vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	696,882	670,800	655,738	645,524	628,277	
9	Tổng tài sản	tỷ đồng	696,882	670,800	655,738	645,524	628,277	
10	Tổng nợ phải trả	tỷ đồng	328,402	295,865	270,592	247,504	217,988	
11	Tổng lao động	người	362	377	392	407	422	
12	Thu nhập bình quân	Tr.đ/người	15,76	15,57	15,40	15,34	15,09	

15:
'G
'H
'A/
NV

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY

Đơn vị báo cáo: Công ty cổ phần Cảng Chân Mây

Phụ lục 02A

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2026 - 2030

TT	Chi tiêu	ĐVT	Mục tiêu kế hoạch 2026 - 2030	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Ghi chú
1	Sản lượng								
	Hàng rời và hàng khác	Tấn	33.650.000	6.000.000	6.350.000	6.700.000	7.100.000	7.500.000	
	Hàng container	TEUs	64.350	11.650	12.260	12.870	13.480	14.090	
2	Số sản phẩm bàn giao	sản phẩm							
	- Đóng mới								
	- Sửa chữa								
3	Giá trị sản xuất	tỷ đồng	2.148	401,00	416,00	430,00	445,00	456,00	
	- Đóng mới								
	- Sửa chữa								
	- Sản xuất CNPT								
	- Dịch vụ khác								
4	Doanh thu dịch vụ	tỷ đồng	2.148	401,00	416,00	430,00	445,00	456,00	
5	Tổng lao động	người		362	377	392	407	422	
6	Thu nhập bình quân	triệu đồng/người		15,76	15,57	15,40	15,24	15,09	

15/11/2025
T. A. M.
1 P.

KẾ HOẠCH KẾT QUẢ KINH DOANH NHIỆM KỲ 2026-2030

CHỈ TIÊU	MS	KH 2026		KH 2026 chia ra		KH 2027		KH 2027 chia ra		KH 2028		KH 2028 chia ra		KH 2029		KH 2029 chia ra		KH 2030		KH 2030 chia ra	
				BS1	BS2			BS1	BS2			BS1	BS2			BS1	BS2			BS1	BS2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	401.000	268.900	132.100	416.000	276.650	139.350	430.000	284.650	145.350	445.000	292.850	152.150	456.000	298.500	157.50					
+ Hoạt động thương mại, vận tải, kho bãi, xây dựng, hoạt động kinh doanh khác...		401.000	268.900	132.100	416.000	276.650	139.350	430.000	284.650	145.350	445.000	292.850	152.150	456.000	298.500	157.50					
Doanh thu chính (Xếp dỡ, cầu bến, kho bãi...)		230.042	115.021	115.021	243.682	121.841	121.841	254.817	127.409	127.409	267.546	133.773	133.773	277.369	138.685	138.685					
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02																				
Trong đó: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp	03																				
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (04=01-02)	04	401.000	268.900	132.100	416.000	276.650	139.350	430.000	284.650	145.350	445.000	292.850	152.150	456.000	298.500	157.50					
+ Hoạt động thương mại, vận tải, kho bãi, xây dựng, hoạt động kinh doanh khác...		401.000	268.900	132.100	416.000	276.650	139.350	430.000	284.650	145.350	445.000	292.850	152.150	456.000	298.500	157.50					
4. Giá vốn hàng bán	05	324.552	235.182	89.370	329.737	238.638	91.100	336.625	243.395	93.230	343.437	247.870	95.567	348.301	250.774	97.50					
- CP từ hoạt động thương mại, vận tải, xây dựng, hoạt động kinh doanh, dịch vụ khác...		324.552	235.182	89.370	329.737	238.638	91.100	336.625	243.395	93.230	343.437	247.870	95.567	348.301	250.774	97.50					
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (06=04-05), trong đó	06	76.448	33.718	42.730	86.263	38.012	48.250	93.375	41.255	52.120	101.563	44.980	56.583	107.699	47.726	59.90					
6. Doanh thu hoạt động tài chính	07	1.000	1.000			500	500	500	500	500	400	400		400	400						
7. Chi phí tài chính	08	14.484	-	14.484	17.887	-	17.887	15.745	-	15.745	13.603	-	13.603	12.903	-	12.90					
Chia ra:																					
- Chi phí lãi vay	09	14.484		14.484	17.887		17.887	15.745		15.745	13.603		13.603	12.903		12.90					
- Chi phí khác	10																				
8. Chi phí quản lý kinh doanh và Bán hàng	11	51.209	28.165	23.044	52.578	28.918	23.660	53.958	29.677	24.281	55.348	30.442	24.907	56.749	31.212	25.50					
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (12=06+07-08-11)	12	11.755	6.553	5.202	16.298	9.594	6.704	24.172	12.078	12.094	33.012	14.938	18.074	38.447	16.914	21.00					
10. Thu nhập khác	13																				
11. Chi phí khác	14																				
12. Lợi nhuận khác (15=13-14)	15	-			-			-			-			-							
13. Tổng số lợi nhuận kế toán trước thuế (16=12+15)	16	11.755	6.553	5.202	16.298	9.594	6.704	24.172	12.078	12.094	33.012	14.938	18.074	38.447	16.914	21.00					
- Lãi/lỗ do đồng mới																					
- Lãi/lỗ do sửa chữa																					
- Lãi/lỗ do sx CNPT (SXVL, Gia công chế tạo...)																					
- Lãi/lỗ khác....																					
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành + hoãn lại)	17	2.351,02	1.310,62	1.040,39	3.259,54	1.918,80	1.340,74	4.834,44	2.415,63	2.418,81	6.602,40	2.987,60	3.614,80	7.689,37	3.382,81	4.3060					
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (19=17-18)	18	9.404	5.242	4.162	13.038	7.675	5.363	19.338	9.663	9.675	26.410	11.950	14.459	30.757	13.531	17.00					

11/04/2025 10:11

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy

Đem vi tính/

1

STT	Tên dự án/BCKTKT đầu tư xây dựng (Xây dựng, Mua sắm trang thiết bị, Sửa chữa)	Địa điểm	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến Mục tiêu/Công suất của dự án	Kế hoạch năm 2026			Kế hoạch năm 2027			Kế hoạch năm 2028			Kế hoạch năm 2029			Kế hoạch năm 2030			Kế hoạch năm 2025-2030		
					Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	Nguồn vốn	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	Nguồn vốn	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	Nguồn vốn	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	Nguồn vốn	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	Nguồn vốn	Giá trị thực hiện	Giá trị giải ngân	Nguồn vốn
C2.5	Xây dựng nhà kho ngoại quan	Cảng Chân Mây			10.000	10.000		10.000	10.000								20.000	20.000				
C2.6	Mua sắm xe hút bụi	Cảng Chân Mây															-	-				
C2.7	Xây dựng 02 nhà kho 5000m2				30.000	30.000		30.000	30.000								60.000	60.000				
C2.8	Mở rộng kho bãi tiếp giáp nhà kho 7000m2				10.000	10.000											10.000	10.000				
C2.9	Nạo vét duy tu Bến số 1													15.000	15.000		15.000	15.000				
C2.10	Máng làm hàng rời													-	-		-	-				
C2.11	Đầu tư xây dựng kéo dài 60m Bến số 1					20.000		20.000	20.000		100.000	100.000		50.000	50.000		30.000	30.000		200.000	200.000	
D	Dự phòng mua sắm vật tư, sửa chữa thiết bị, sửa chữa cải tạo nâng cấp HTKT và CTXD phục vụ SXKD năm 2025	Cảng Chân Mây			12.000	12.000		12.000	12.000		15.000	15.000		12.000	12.000		12.000	12.000		63.000	63.000	
	Dự phòng mua sắm vật tư, sửa chữa thiết bị, sửa chữa cải tạo nâng cấp HTKT và CTXD phục vụ SXKD năm 2025	Cảng Chân Mây			12.000	12.000		12.000	12.000		15.000	15.000		12.000	12.000		12.000	12.000		63.000	63.000	





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 6 năm 2025



**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-HĐQT ngày 11/4/2025 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Chân Mây về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

Hôm nay, vào hồi 13 giờ 30 ngày 30/6/2025 tại văn phòng Công ty cổ phần Cảng Chân Mây, Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm có:

1. Ông: Hoàng Trung Chính - Trưởng ban
2. Ông: Trương Quang Việt - Thành viên
3. Bà: Lê Thị Thanh Loan - Thành viên

Đã tiến hành kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Cảng Chân Mây với kết quả như sau:

- Tổng số cổ đông của công ty: 257 cổ đông (trong đó có: 04 cổ đông pháp nhân);
- Số cổ đông tham dự: 45 người;
- Đại diện cho 32.163.495/32.405.415 cổ phần phổ thông;
- Đạt tỷ lệ: 99,253% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết ($\geq 51\%$).

Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 145 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Khoản 1 Điều 19 của Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Chân Mây, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây đủ điều kiện tiến hành.

Ban kiểm tra tư cách cổ đông xin báo cáo trước Đại hội.

TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG
TRƯỞNG BAN

Hoàng Trung Chính

DANH SÁCH CÔ ĐỒNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CÔ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

STT	Tên cổ đông	Ngày tháng năm sinh	Nơi đăng ký Hệ khẩu thường trú và Chỗ ở hiện tại (Địa chỉ công ty)	Số CMND, CCCD hoặc Giấy CNDKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần Sở hữu	Số lượng cổ phần được ủy quyền tham dự	Tổng số lượng cổ phần biểu quyết	Ký tên
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY							356.265	32.064.900	32.421.165	ủy quyền
1	Dương Bá Hòa	08/12/1964	Tổ 22, P. Mỹ An, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	040064004578	13/04/2021	Cục cảnh sát QLHC TTXH		10.008.825	10.008.825	<i>Phu</i>
2	Huỳnh Văn Toàn	15/08/1975	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	046075005019	28/06/2021	Cục cảnh sát QLHC TTXH	6.300	7.793.050	7.799.350	<i>Phu</i>
3	Nguyễn Tiến Đạt	05/12/1973	71/333B Văn Cao, quận Hải An, tp Hải Phòng	031073003080	05/10/2016	Cục cảnh sát QLHC TTXH		7.777.300	7.777.300	<i>Phu</i>
4	Trần Văn Phong	25/03/1965	305 Đào Duy Anh - Phú Bình - Thành phố Huế	046065009689	09/08/2021	Cục cảnh sát QLHC TTXH	8.295	3.240.500	3.248.795	<i>Phu</i>
5	Hồ Hoàng Thi	14/04/1978	292/16b/10 Bùi Thị Xuân - Phường Đức - Thành phố Huế	046178012003	09/08/2021	Cục cảnh sát QLHC TTXH	6.615	3.240.500	3.247.115	<i>Phu</i>
CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY VÀ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BÊN NGOÀI										
6	Công ty cổ phần vận tải Hùng Đạt		79 Hoàng Diệu - Tây Lộc - Thành phố Huế				21.000		21.000	<i>Phu</i>
7	Công ty CP Thực phẩm An Long		Cụm công nghiệp Long Định - Long Can, Long Can - Cần Đức - Long An	200075068	13/02/2007	CA Đà Nẵng	10.500		10.500	<i>Phu</i>
8	Doanh nghiệp tư nhân Lộc Tự		Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế				10.500		10.500	
9	Hoàng Sơn	25/5/1956	23A10 Khu dân cư An Bình - Biên Hòa - Đồng Nai	272224332	04/07/2008	CA Đồng Nai	15.750		15.750	
10	Nguyễn Bá An	16/08/1984	21A/134 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	046084013363	14/11/2022	Cục cảnh sát QLHC TTXH		4.725	4.725	<i>Phu</i>
11	Nguyễn Thành Công	28/2/1976	Bình An - Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	197028873	09/03/1993	CA Quảng Trị	1.890		1.890	<i>Phu</i>
12	Lê Chí Phai	21/7/1979	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191389129	21/01/2002	CA TTHuế	2.625		2.625	<i>Phu</i>
13	Hoàng Trung Chính	09/03/1978	21/20/43 Hồ Đắc Di - An Cựu - Thành phố Huế	191384206	03/08/2010	CA TTHuế	1.890		1.890	<i>Phu</i>
14	Lê Thị Ni Na	07/02/1979	Thôn 3 - Thủy Phù - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191403106	15/07/1994	CA TTHuế	2.730		2.730	<i>Phu</i>
15	Quý Hiền	31/03/1961	22 Phú Thọai Thái - Chi Lăng - Phú Cát - Thành phố Huế	190003856	30/03/1978	CA TTHuế	6.930		6.930	
16	Lê Thị Thanh Loan	17/10/1984	26/19 Phùng Lưu - Thủy Dương - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191526894	23/03/2000	CA TTHuế	735		735	<i>Phu</i>
17	Lê Văn Tiến	01/11/1987	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191592354	08/03/2002	CA TTHuế	5.670		5.670	<i>Phu</i>

18	Phan Quốc Khánh	26/08/1983	Phú Bài - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191477939	24/04/1998	CA TTHuế	1.785		1.785	<i>Q.Kh</i>
19	Phan Văn Hưng	22/06/1984	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191522299	26/10/1999	CA TTHuế	735		735	
20	Trần Thị Kim Anh	01/04/1982	Bình An - Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191486135	01/06/1998	CA TTHuế	1.050		1.050	
21	Nguyễn T. Xuân Nương	06/03/1983	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191486092	25/5/1998	CA TTHuế	945		945	
22	Nguyễn P.B.V Hùng	11/03/1974	2/4 Hồ Xuân Hương - Phú Hậu - Thành phố Huế	191322620	10/11/2003	CA TTHuế	840		840	
23	Trương Quang Việt	27/06/1983	Lộc An - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191523142	10/03/2000	CA TTHuế	315		315	<i>VK</i>
24	Trương Văn Hưng	19/7/1988	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191624103	14/09/2009	CA TTHuế	210		210	
25	Nguyễn Thanh Tuấn	06/01/1981	16/7 Trường Chinh - Xuân Phú - Thành phố Huế	191460013	09/04/2001	CA TTHuế	1.050		1.050	
26	Hồ Trọng Nhuận	20/06/1972	Tổ 11 KV 4 Hồ Đắc Di - An Cựu - Thành phố Huế	191097857	16/12/2002	CA TTHuế	840		840	
27	Nguyễn Văn Lễ	21/01/1970	68/16 Điện Biên Phủ - Vĩnh Ninh - Thành phố Huế	191233160	22/07/2002	CA TTHuế	210		210	
28	Tôn Thất Đàm	19/07/1988	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191238989	20/04/1988	CA TTHuế	735		735	
29	Hoàng Ngọc Bích	24/04/1972	135 Ngự Bình - An Cựu - Thành phố Huế	191506671	23/04/1999	CA TTHuế	1.155		1.155	
30	Hà Thị Ty	29/8/1985	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191718942	16/10/2006	CA TTHuế	630		630	
31	Nguyễn Thị Thom	00/00/1977	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191375888	20/10/1993	CA TTHuế	735		735	
32	Nguyễn Thị Mến	25/10/1985	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191553668	30/01/2002	CA TTHuế	735		735	
33	Hồ Thị Thuý	15/06/1988	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191627781	28/08/2003	CA TTHuế	420		420	
34	Đỗ Thị Minh Ý	11/01/1971	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191406211	02/01/1986	CA TTHuế	420		420	
35	Nguyễn Thị Tiến	15/04/1988	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191624058	04/02/2009	CA TTHuế	420		420	
36	Nguyễn Thị Kim Anh	16/04/1993	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191787763	18/05/2008	CA TTHuế	420		420	
37	Tôn Nữ Thị Thu	12/04/1971	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191250071	20/05/1988	CA TTHuế	420		420	
38	Nguyễn Văn Chương	02/03/1981	315 Chi Lăng - Phú Hiệp - Thành phố Huế	191462138	10/04/1997	CA TTHuế	1.890		1.890	<i>Q.Kh</i>
39	Hồ Hoàng Bửu Chính	19/08/1978	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	271314966	27/06/1994	CA Đồng Nai	2.625		2.625	<i>Q.Kh</i>
40	Nguyễn Tấn Cầm	10/12/1980	18/20/43 Hồ Đắc Di - An Cựu - Thành phố Huế	191393967	26/05/2001	CA TTHuế	1.365		1.365	<i>Q.Kh</i>
41	Lê Quang Cường	30/07/1984	1195 Nguyễn Tất Thành, Phú Bài - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191515532	15/09/2003	CA TTHuế	630		630	
42	Nguyễn Ngọc Kim Long	17/11/1988	18c/79 Phạm Thị Liên - Kim Long - Thành phố Huế	191634602	09/02/2009	CA TTHuế	315		315	
43	Đặng Thanh Huy	25/06/1989	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191741855	28/02/2007	CA TTHuế	210		210	
44	Nguyễn Huy Bình	27/04/1989	Phú Thanh - Phú Vang - Thừa Thiên Huế	191631849	18/08/2008	CA TTHuế	210		210	<i>Q.Kh</i>
45	Trần Hoàng Oanh	06/02/1984	53 Đặng Văn Ngữ - An Đông - Thành phố Huế	191545779	10/03/2000	CA TTHuế	735		735	

46	Võ Đại Phong	16/4/1978	Hòa Mỹ - Lộc Bồn - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191407255	03/06/1995	CA TTHuế	420		420	<i>phuc</i>
47	Dương Thùy Linh	18/08/1985	Phú Gia - Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	194194554	15/04/2000	CA Quảng Bình	1.365		1.365	<i>ST</i>
48	Hồ Anh Hùng	13/01/1982	77 Duy Tân - An Cựu - Thành phố Huế	191456001	24/02/1997	CA TTHuế	1.260		1.260	<i>shua</i>
49	Nguyễn Thị Bích Thuận	30/12/1988	An Cư Đông I - Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191718208	04/04/2006	CA TTHuế	315		315	
50	Phan Tuấn Anh	14/01/1981	1325 Nguyễn Tất Thành - Phú Bài - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191440160	20/12/2002	CA TTHuế	1.680		1.680	<i>phuc</i>
51	Ngô Khánh Toàn	18/10/1979	Lộc Điền - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191425146	24/02/2003	CA TTHuế	1.995		1.995	<i>phuc</i>
52	Nguyễn T. Phương Loan	22/06/1982	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191520094	26/08/1999	CA TTHuế	945		945	
53	Bùi Thị Ngọc Linh	17/04/1984	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191520099	26/08/1999	CA TTHuế	1.050		1.050	<i>phuc</i>
54	Nguyễn Thị Thủy Diệu	28/03/1983	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191486106	29/05/1998	CA TTHuế	2.520		2.520	
55	Lê Thị Hoàng Diệu	26/10/1985	Thủy Phù - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191535397	08/03/2004	CA TTHuế	315		315	<i>phuc</i>
56	Nguyễn Thị Kim Ly	20/09/1988	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191617562	13/03/2006	CA TTHuế	315		315	
57	Lê Thành Công	08/05/1976	Thủy Phù - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191345718	05/07/1991	CA TTHuế	1.890		1.890	<i>phuc</i>
58	Cái Quốc Phưởng	10/10/1979	Thị trấn Phú Lộc - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191641764	08/01/2007	CA TTHuế	2.625		2.625	<i>phuc</i>
59	Phan Duy Toàn	28/07/1979	Hương Phong - Hương Trà - Thừa Thiên Huế	191405313	20/10/1997	CA TTHuế	1.680		1.680	<i>phuc</i>
60	Trương Đình Tuấn	11/05/1983	18/1 Văn Cao - Xuân Phú - Thành phố Huế	191491809	06/12/2006	CA TTHuế	2.730		2.730	<i>phuc</i>
61	Đỗ Văn Bảo	18/05/1984	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191569166	14/11/2005	CA TTHuế	1.785		1.785	
62	Nguyễn Công Minh	08/11/1978	Thị trấn Phú Lộc - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191400622	05/12/1994	CA TTHuế	420		420	
63	Trần Minh Hưng	08/02/1988	Thị trấn Phú Lộc - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191662442	06/08/2004	CA TTHuế	105		105	
64	Nguyễn Minh Trinh	10/06/1982	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191506966	21/5/1999	CA TTHuế	1.575		1.575	<i>phuc</i>
65	Trương Quốc Văn	08/02/1988	Lộc An - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191641144	15/08/2011	CA TTHuế	210		210	
66	Cao Xuân Minh Duy	18/03/1987	Số 2/4 Nguyễn Cư Trinh - Thuận Hòa - Thành phố Huế	191635043	12/04/2004	CA TTHuế	840		840	
67	Tôn Nữ Huỳnh Phương	02/10/1972	Lô C5 KQH Cầu Lim - Thủy Xuân - Thành phố Huế	191198400	30/01/2000	CA TTHuế	2.415		2.415	<i>phuc</i>
68	Hoàng Thị Như Quỳnh	27/02/1988	27/110 Nhật Lệ - Thuận Lộc - Thành phố Huế	191634600	20/08/2003	CA TTHuế	210		210	<i>phuc</i>
69	Trương Thị Diệu Linh	24/06/1983	185 Trần Huy Liệu - Phú Hòa - Thành phố Huế	191496861	01/07/1999	CA TTHuế	945		945	
70	Hồ Hữu Khoa	20/4/1984	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191514966	17/3/2010	CA TTHuế	1.260		1.260	<i>phuc</i>
71	Nguyễn Đại Dương	16/05/1986	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191641880	08/09/2009	CA TTHuế	315		315	
72	Lê Tài	24/09/1984	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191562080	17/09/2001	CA TTHuế	1.575		1.575	
73	Nguyễn Thị Kim Chi	30/06/1982	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191464048	19/08/2000	CA TTHuế	1.050		1.050	

74	Nguyễn T Ánh Nguyệt	20/04/1983	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191520135	27/08/1999	CA TTHuế	1.050		1.050	
75	Phan Thị Mãnh	20/05/1986	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	194584498	28/11/2001	CA TTHuế	945		945	
76	Nguyễn Công An Định	08/04/1980	Thị trấn Phú Lộc - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191592715	01/04/2002	CA TTHuế	1.050		1.050	pe
77	Lê Công Dũng	01/02/1970	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191122295	20/07/1986	CA TTHuế	1.050		1.050	
78	Võ Ngôn	21/10/1980	221 Đào Duy Anh - Thành phố Huế	191421548	26/07/1995	CA TTHuế	1.050		1.050	
79	Nguyễn Đắc Cường	02/08/1984	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191962147	20/09/2000	CA TTHuế	1.050		1.050	
80	Hoàng Nguyễn Kim Sơn	04/07/1980	Lộc Sơn - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191329090	12/04/1996	CA TTHuế	1.050		1.050	
81	Phan Đình Duy	20/10/1982	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191464076	19/03/2001	CA TTHuế	1.050		1.050	
82	Phạm Minh Lân	20/09/1969	61 Tôn Thất Thiệp - Thuận Hòa - Thành phố Huế	191457235	25/03/1997	CA TTHuế	1.050		1.050	
83	Lê Vĩnh Huy	17/07/1982	Thủy Châu - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191528724	20/03/2000	CA TTHuế	1.050		1.050	
84	Phạm Minh Dũng	14/12/1981	Tổ 17 khu vực 5 Thủy Xuân TT Huế	191453217	30/09/2000	CA TTHuế	1.050		1.050	
85	Hồ Thị Lý	00/00/1984	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191523247	03/10/2000	CA TTHuế	525		525	
86	Nguyễn Thị Lệ Thủy	20/10/1977	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	197103040	08/08/1998	CA Quảng Trị	735		735	
87	Nguyễn Thị Ánh Phương	19/08/1988	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191627646	28/05/2003	CA TTHuế	1.155		1.155	
88	Dương Thị Trí Tín	26/09/1987	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191592287	06/03/2002	CA TTHuế	315		315	
89	Lê Minh Đạt	16/03/1984	Phú Thượng - Phú Vang - Thừa Thiên Huế	191524414	03/11/2000	CA TTHuế	1.680		1.680	
90	Châu Kim Sơn	14/02/1980	Phú Thượng - Phú Vang - Thừa Thiên Huế	191449236	27/11/2000	CA TTHuế	420		420	
91	Bùi Vĩnh Thái	23/11/1985	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191531940	13/07/2000	CA TTHuế	630		630	Ng
92	Phan Thị Thủy Linh	11/7/1987	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191592310	11/06/2007	CA TTHuế	315		315	
93	Võ Lương Quân	02/01/1983	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191514978	13/05/2002	CA TTHuế	210		210	
94	Nguyễn Đức Cường	01/01/1982	Lộc An - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191506136	30/03/1999	CA TTHuế	1.260		1.260	vd
95	Đoàn Quang Vũ	28/01/1981	118 Hùng Vương - Phú Nhuận - Thành phố Huế	191456272	03/05/2013	CA TTHuế	945		945	Th
96	Trần Anh Tiến	01/11/1981	Phú Bài - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191440117	12/03/1997	CA TTHuế	735		735	
97	Nguyễn Hoàng Anh Vũ	05/03/1983	484B Bùi Thị Xuân - Phường Đức - Thành phố Huế	191484297	22/12/2006	CA TTHuế	1.050		1.050	
98	Đặng Hoàng Thắng	01/10/1979	Lộc An - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191570041	05/02/2001	CA TTHuế	735		735	
99	Nguyễn Thị Hoà	20/4/1981	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191464435	11/08/1997	CA TTHuế	840		840	
100	Hồ Minh Cường	18/08/1978	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	240627155	20/04/1998	CA Gia Lai	1.050		1.050	
101	Trương Văn Tiến	27/08/1983	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191520401	08/06/2001	CA TTHuế	1.050		1.050	

102	Nguyễn Duy Tường	25/03/1978	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191406261	30/05/1994	CA TTHuế	1.050		1.050	
103	Võ Hữu Hoà	12/08/1973	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191299607	20/05/2002	CA TTHuế	1.050		1.050	
104	Huỳnh Văn Hoà	02/01/1979	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191506015	30/03/1999	CA TTHuế	1.050		1.050	
105	Trần Văn Nhâm (LT)	02/06/1982	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191464068	13/06/1997	CA TTHuế	1.050		1.050	
106	Vĩnh Cường	23/3/1973	Phú Hậu - Thành phố Huế	191322812	11/05/1989	CA TTHuế	1.050		1.050	
107	La Đức Hạnh	06/05/1977	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191549626	24/07/2000	CA TTHuế	1.050		1.050	
108	Lê Văn Cường	15/12/1978	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191406582	05/06/1994	CA TTHuế	3.150		3.150	
109	Huỳnh Văn Nhân	22/02/1982	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191464285	30/07/1997	CA TTHuế	1.050		1.050	
110	Trần Văn Nhâm (LV)	12/12/1982	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191486219	06/06/1998	CA TTHuế	2.100		2.100	
111	Đặng Văn Trình	01/02/1984	Phú Xuân - Phú Vang - Thừa Thiên Huế	191524166	21/10/1999	CA TTHuế	1.050		1.050	
112	Trần Rin	03/09/1982	Lộc An - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191464731	24/04/2006	CA TTHuế	735		735	
113	Nguyễn Văn Cường	20/05/1982	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191486150	17/06/2002	CA TTHuế	1.155		1.155	
114	Trương Duy	03/02/1979	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191426168	19/06/2006	CA TTHuế	1.050		1.050	
115	Nguyễn Văn Hà	15/02/1987	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191592489	20/03/2002	CA TTHuế	1.050		1.050	
116	Nguyễn B. Quốc Nam	04/03/1981	4/1/423 Chi Lăng - Phú Hậu - Thành phố Huế	191444322	15/07/1996	CA TTHuế	1.050		1.050	
117	Võ Đại Thạnh	01/11/1979	Lộc Bồn - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191438043	21/07/2003	CA TTHuế	840		840	
118	Nguyễn Cầu	27/02/1973	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191826677	17/07/2009	CA TTHuế	735		735	
119	Hồ Thanh Đức	09/03/1991	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191766059	28/08/2007	CA TTHuế	945		945	
120	Đỗ Anh Trung	05/08/1988	Phường Trường An, TP Huế	191734865	16/01/2007	CA TTHuế	315		315	
121	Lê Quang Bảo	02/09/1982	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191514995	24/08/1999	CA TTHuế	1.365		1.365	
122	Nguyễn Đức Hòa	01/11/1989	63 Điện Biên Phủ - Vĩnh Ninh - Thành phố Huế	191706478	22/11/2005	CA TTHuế	210		210	
123	Nguyễn Văn Tư	15/02/1989	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191703639	05/09/2011	CA TTHuế	210		210	
124	Tôn Thất Thiện Mỹ	20/10/1983	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191520060	25/08/1999	CA TTHuế	945		945	
125	Nguyễn Ngọc Quý	29/11/1980	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191485815	19/05/1998	CA TTHuế	420		420	
126	Từ Công Thành	18/02/1986	7/36 Trần Quang Khải - Phú Hội - Thành phố Huế	191558137	16/01/2002	CA TTHuế	210		210	
127	Nguyễn Dũng	08/04/1984	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191562092	20/09/2000	CA TTHuế	630		630	
128	Nguyễn Trọng Cấp	00/00/1968	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	285103811	11/10/2007	CA Bình Phước	420		420	
129	Võ Văn Linh	13/07/1978	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191426578	06/05/2010	CA TTHuế	630		630	

130	Nguyễn Văn Rôm	06/07/1983	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191514976	23/08/1999	CA TTHuế	525		525	
131	Trần Thắng	20/05/1979	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191426402	05/07/1995	CA TTHuế	2.100		2.100	
132	Ngô Viết Hoà	07/07/1978	Thủy Dương - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191477786	03/05/1998	CA TTHuế	1.995		1.995	
133	Võ Quang Ánh	17/02/1979	12/52 Thánh Gióng - Thuận Lộc - Thành phố Huế	191413502	15/02/2000	CA TTHuế	2.310		2.310	
134	Lê Văn Rô	07/12/1983	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191486026	27/05/1998	CA TTHuế	315		315	
135	Nguyễn Thuận	27/04/1982	Lộc Sơn - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191463246	24/05/1997	CA TTHuế	4.200		4.200	
136	Lê Văn Định	01/01/1969	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	190989159	01/02/1996	CA TTHuế	1.365		1.365	
137	Trương Văn Xí	17/06/1970	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191122078	20/05/1986	CA TTHuế	630		630	
138	Tôn Thất Nhất Trưởng	10/04/1982	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191520882	23/09/1999	CA TTHuế	1.050		1.050	
139	Ngô Viết Bằng	03/08/1982	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191462781	05/05/1997	CA TTHuế	2.835		2.835	
140	Hồ Giang Phúc	29/05/1985	Phường Đức, TP Huế	191545111	31/08/2000	CA TTHuế	735		735	
141	Nguyễn Quang Ánh	16/06/1980	Thủy Thanh - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191403900	31/08/2000	CA TTHuế	1.365		1.365	
142	Phan Văn Đoàn	09/09/1987	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191553628	29/01/2002	CA TTHuế	2.835		2.835	
143	Nguyễn Quốc Quang	07/08/1988	Trung Sơn - Gio Linh - Quảng Trị	197159112	26/09/2002	CA Quảng Trị	1.575		1.575	
144	Nguyễn Tôn Phương	20/03/1981	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191441535	06/05/1998	CA TTHuế	1.260		1.260	
145	Trần Khôi	20/07/1980	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191464258	17/04/2006	CA TTHuế	735		735	
146	Nguyễn Văn Thắng	12/08/1981	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191463945	06/12/1997	CA TTHuế	1.050		1.050	
147	Huỳnh Ngọc Khoa	26/03/1983	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191570569	13/06/2006	CA TTHuế	2.835		2.835	
148	Phan Cảnh Đức	05/03/1977	63 Thanh Lam Bồ - Tây Lộc - Thành phố Huế	191382136	04/09/1993	CA TTHuế	630		630	
149	Lê Huy	17/11/1979	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191494070	16/06/1998	CA TTHuế	315		315	
150	Bùi Chư	16/04/1968	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191036314	20/07/1984	CA TTHuế	2.415		2.415	
151	Đỗ Nguyễn Anh	22/11/1988	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191617468	18/03/2003	CA TTHuế	1.260		1.260	
152	Nguyễn Hữu Hoài Như	23/07/1993	59 Đặng Huy Trứ - Trường An - Thành phố Huế	191806521	25/09/2008	CA TTHuế	315		315	
153	Nguyễn Cao Lâm	01/01/1988	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191656033	25/05/2004	CA TTHuế	945		945	
154	Nguyễn Hữu Đạt	23/10/1992	79 Trần Thái Tông - Thủy Xuân - Thành phố Huế	191758117	03/04/2008	CA TTHuế	315		315	
155	Nguyễn Đắc Hùng	15/02/1984	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191520226	07/08/1999	CA TTHuế	945		945	
156	Lê Văn Quý	28/02/1973	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191348236	22/04/2010	CA TTHuế	1.050		1.050	
157	Bùi Viết Phong	02/04/1979	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	285062180	23/12/1999	CA Bình Phước	1.680		1.680	

HUẾ

M.S.D.N.
H.P.H.

158	Phan Văn Tân	18/03/1970	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191069810	20/06/1995	CA TTHuế	1.050		1.050	
159	Nguyễn Cửu Cường	02/02/1983	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191562053	19/09/2000	CA TTHuế	1.050		1.050	
160	Lê Phước Cảnh	27/03/1983	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191562328	03/10/2000	CA TTHuế	1.050		1.050	
161	Bùi Ngọc Tài	23/10/1985	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191571482	16/05/2001	CA TTHuế	945		945	
162	Đặng Văn Thức	03/10/1985	Điền Hòa - Phong Điền - Thừa Thiên Huế	191595619	12/06/2002	CA TTHuế	735		735	
163	Đặng Công Hùng	22/03/1983	Lộc Điền - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191520792	21/09/1999	CA TTHuế	735		735	
164	Nguyễn Quang Vũ	01/01/1984	208/4 Phan Chu Trinh - Phước Vĩnh - Thành phố Huế	191565893	22/12/2000	CA TTHuế	735		735	
165	Nguyễn Thân	23/06/1980	Lộc An - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191593122	15/03/2002	CA TTHuế	735		735	
166	Lê Quang Giàu	02/07/1987	Thủy Phù - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191591132	15/10/2008	CA TTHuế	420		420	
167	Lê Hồng Phong	04/07/1987	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191624088	19/06/2006	CA TTHuế	420		420	
168	Lê Thành Chung	21/02/1980	Lộc Điền - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191438742	16/04/1996	CA TTHuế	735		735	
169	Nguyễn Quốc Cường	20/06/1984	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191592324	06/03/2002	CA TTHuế	420		420	
170	Trần Văn Tám	14/10/1981	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191441771	07/06/1996	CA TTHuế	945		945	
171	Võ Quốc Bình	03/02/1987	Thủy Lương - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191891081	21/03/2002	CA TTHuế	735		735	
172	Lê Văn Tiến	04/04/1983	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191534834	09/11/2000	CA TTHuế	945		945	
173	Trương Công Lệ	29/10/1987	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191624062	23/04/2003	CA TTHuế	420		420	
174	Lê Kiểm	08/10/1969	Thủy Lương - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191031347	05/03/1996	CA TTHuế	210		210	
175	Phạm Bá Cường	19/05/1976	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	197006220	30/09/1990	CA Quảng Trị	1.785		1.785	
176	Nguyễn Văn Trung	25/06/1972	Thủy Phương - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191231218	11/06/1991	CA TTHuế	2.100		2.100	
177	Nguyễn Quang Ngộ	29/02/1978	Phú Hiệp - Thành phố Huế	191388227	29/05/1993	CA TTHuế	1.680		1.680	
178	Nguyễn Văn Nhật	05/05/1981	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191438287	26/03/1996	CA TTHuế	1.680		1.680	
179	Nguyễn Chiến Thắng	02/01/1980	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191464542	12/07/1997	CA TTHuế	1.680		1.680	
180	Hoàng Xuân	20/08/1975	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191348371	20/06/1991	CA TTHuế	1.680		1.680	
181	Phan Quốc Thành	02/09/1987	101 Đào Duy Anh - Phú Bình - Thành phố Huế	191590892	29/06/2010	CA TTHuế	315		315	
182	Trần Hữu Ân	05/03/1969	36 Đặng Huy Trứ - Trường An - Thành phố Huế	191079698	30/12/2002	CA TTHuế	1.050		1.050	
183	Nguyễn Thị Tổ Trinh	28/04/1984	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191570914	27/03/2001	CA TTHuế	1.050		1.050	
184	Trương Thị Vẹn	23/05/1988	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191624128	25/04/2003	CA TTHuế	420		420	
185	Trương Thành Phúc	06/06/1986	Phú Đa - Phú Vang - Thừa Thiên Huế	191559199	27/02/2002	CA TTHuế	525		525	

186	Nguyễn Hùng Hải	19/03/1981	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191464445	11/08/1997	CA TTHuế	1.050		1.050	
187	Bạch Quốc Huy	15/07/1981	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191464323	08/05/2000	CA TTHuế	945		945	
188	Nguyễn Văn Ty	04/04/1982	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191520117	26/08/1999	CA TTHuế	945		945	
189	Lê Phước Sỹ	13/05/1982	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191486141	25/04/2005	CA TTHuế	945		945	
190	Vương Đình Tú	02/09/1985	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191592363	04/04/2005	CA TTHuế	945		945	
191	Nguyễn Văn Hợi	05/08/1983	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191511109	23/06/1999	CA TTHuế	735		735	
192	Võ Lương Quang	01/12/1985	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191562108	20/09/2000	CA TTHuế	945		945	
193	Bùi Minh Thành	01/08/1968	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191082067	23/02/2004	CA TTHuế	840		840	
194	Nguyễn Lâm	23/08/1980	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191426701	01/06/2007	CA TTHuế	840		840	
195	Huỳnh Văn Sang	26/06/1988	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191624115	24/04/2003	CA TTHuế	735		735	
196	Võ Văn Nho	19/05/1982	Phú Đa - Phú Vang - Thừa Thiên Huế	191524100	07/10/2004	CA TTHuế	735		735	
197	Nguyễn Văn Lúa	02/02/1978	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191305341	20/06/1992	CA TTHuế	525		525	
198	Nguyễn Thanh Thái	30/7/1984	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191571512	19/05/2009	CA TTHuế	525		525	
199	Lê Minh Mẫn	17/10/1989	Lộc Điền - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191734827	28/05/2007	CA TTHuế	525		525	
200	Trương Anh Quốc	12/11/1987	Vinh Mỹ - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191645458	28/07/2009	CA TTHuế	420		420	
201	Nguyễn Văn Cường	16/03/1963	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	190368995	21/10/2010	CA TTHuế	315		315	
202	Đoàn Văn Phụng	15/12/1978	Phong Sơn - Phong Điền - Thừa Thiên Huế	191650981	24/05/2004	CA TTHuế	1.365		1.365	
203	Trương Văn Anh Ngọc	04/01/1967	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	190991413	22/09/1983	CA TTHuế	315		315	
204	Nguyễn Ngọc Quốc	27/08/1979	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191426489	21/09/2001	CA TTHuế	1.050		1.050	
205	Huỳnh Ngọc Quý	26/07/1979	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191507310	15/06/1999	CA TTHuế	1.050		1.050	
206	Trần Xuân Đạo	13/10/1981	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191464442	11/08/1997	CA TTHuế	945		945	
207	Trần Đình Thơ	10/10/1970	Quảng Thái - Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	191076195	26/09/2005	CA TTHuế	840		840	
208	Huỳnh Văn Thúc	15/02/1981	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191464538	13/08/1997	CA TTHuế	945		945	
209	Nguyễn Văn Cho	10/07/1979	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191424672	19/03/2001	CA TTHuế	945		945	
210	Nguyễn Văn Xuân	02/09/1982	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191486180	02/06/1998	CA TTHuế	945		945	
211	Bùi Nam	25/08/1980	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191426459	06/05/1995	CA TTHuế	945		945	
212	Nguyễn Văn Tý	01/09/1984	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191571511	19/05/2001	CA TTHuế	735		735	
213	Huỳnh Loan	10/10/1977	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191305298	23/06/1992	CA TTHuế	735		735	

214	Nguyễn Văn Nam	10/10/1962	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191778715	22/04/2008	CA TTHuế	630		630	
215	Trần Văn Việt	10/12/1985	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191656998	09/07/2009	CA TTHuế	525		525	
216	Nguyễn Phụ	01/08/1969	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191644671	02/02/2004	CA TTHuế	315		315	
217	Lê Văn Dũng	01/05/1970	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191207945	20/06/1987	CA TTHuế	315		315	
218	Trần Văn Quyền	12/07/1987	Lộc Thủy - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191714872	04/05/2009	CA TTHuế	420		420	
219	Hoàng Văn Bản	31/08/1990	Quảng An - Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	191704051	05/10/2005	CA TTHuế	315		315	
220	Nguyễn Công Minh	21/10/1988	Thị trấn Phú lộc - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191695122	31/05/2010	CA TTHuế	315		315	
221	Hồ Văn Toàn	10/08/1976	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191375840	20/10/1993	CA TTHuế	315		315	
222	Trần Bảo Quốc	23/01/1984	An Tân - Lộc Hải - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191571583	24/06/2002	CA TTHuế	1.050		1.050	
223	Nguyễn Thanh Việt	20/02/1978	Xuân Hòa - Hương Long - Thành phố Huế	191399779	22/12/2003	CA TTHuế	1.050		1.050	
224	Nguyễn Ngọc Tuấn	28/09/1974	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191375465	27/04/1993	CA TTHuế	1.050		1.050	
225	Hồ Trọng Long	01/02/1984	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191562267	28/09/2000	CA TTHuế	945		945	
226	Trần Tấn Phòng	01/01/1984	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191562280	29/09/2000	CA TTHuế	840		840	
227	Dương Quang Thiện	23/11/1978	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191426421	05/07/1995	CA TTHuế	945		945	
228	Nguyễn Tấn Giàu	10/09/1978	Tây Lộc - Thành phố Huế	191423252	11/12/1995	CA TTHuế	945		945	
229	Trần Đại Lộc	15/03/1982	Phú Mậu - Phú Vang - Thừa Thiên Huế	191454352	19/03/1997	CA TTHuế	735		735	
230	Nguyễn Thành Văn	10/08/1979	Thị trấn Lăng Cô - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191417500	12/08/1997	CA TTHuế	840		840	
231	Bùi Ngọc Thông	12/02/1986	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191624294	02/05/2003	CA TTHuế	945		945	
232	Nguyễn Hữu Thảo	00/00/1975	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191645984	11/12/1995	CA TTHuế	840		840	
233	Đặng Chí Dũng	28/11/1970	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191053980	29/03/1985	CA TTHuế	630		630	
234	Nguyễn Doãn Long	16/04/1985	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191592360	03/08/2002	CA TTHuế	735		735	
235	Nguyễn Sơn	01/01/1987	Lộc Điền - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191639079	18/04/2005	CA TTHuế	525		525	
236	Trần Đình Ngạn	09/01/1983	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191486225	03/06/1998	CA TTHuế	420		420	
237	Nguyễn Phúc	15/01/1980	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191426437	25/02/2002	CA TTHuế	1.050		1.050	
238	Lê Dũng	12/11/1974	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191348202	29/11/1999	CA TTHuế	315		315	
239	Dương Quang Thịnh	27/04/1981	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191464116	19/01/2000	CA TTHuế	525		525	
240	Nguyễn Thành Trí	12/07/1990	Thủy Phù - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191681110	06/05/2005	CA TTHuế	315		315	
241	Bùi Văn Tĩnh	19/3/1990	36 tổ 10 phường Phú Bài - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191681413	11/08/2005	CA TTHuế	210		210	

5177

3 TY
HÂN
ÂN N

HÀNH

242	Nguyễn Khương	10/04/1960	3/109 Nguyễn Huệ - Phú Nhuận - Thành phố Huế	30634060	28/05/1980	CA Hải Phòng	3.465		3.465	
243	Trần Ngọc Quỳnh	24/11/1968	21/13 An Dương Vương - An Cựu - Thành phố Huế	191018081	07/11/1995	CA TTHuế	2.205		2.205	
244	Nguyễn Hữu Đạo	06/10/1982	69 Điện Biên Phủ - Trường An - Thành phố Huế	111759560	09/11/2000	CA Hà Tây	2.310		2.310	
245	Nguyễn Tiến Việt	10/08/1978	1/108 Nhật Lệ - Thuận Lộc - Thành phố Huế	183274240	15/03/1999	CA Hà Tĩnh	840		840	
246	Ngô Ánh	20/10/1967	Thị trấn Phú Lộc - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191097692	02/10/2003	CA TTHuế	945		945	
247	Nguyễn Duy Quý	24/08/1979	Phú Lương - Phú Vang - Thừa Thiên Huế	191409521	07/10/1994	CA TTHuế	945		945	
248	Bùi Xuân Thế	10/05/1982	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191486142	01/06/1998	CA TTHuế	1.575		1.575	
249	Nguyễn Văn Quá	10/10/1981	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191464517	12/08/1997	CA TTHuế	945		945	
250	Võ Hanh	19/10/1966	Phú Đa - Phú Vang - Thừa Thiên Huế	190982854	11/10/1983	CA TTHuế	5.250		5.250	
251	Phan Bằng Tường	10/08/1975	Phú Bài - Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	191304230	16/09/1994	CA TTHuế	6.510		6.510	
252	Nguyễn Viết Hùng	28/10/1966	11/100 Lý Thái Tổ - An Hòa - Thành phố Huế	190890835	21/08/1981	CA TTHuế	1.575		1.575	
253	Đặng Văn Đức	15/03/1981	135 Tôn Quang Kiệt - An Đông - Thành phố Huế	191453948	10/09/2001	CA TTHuế	2.625		2.625	
254	Bùi Văn Trường	30/04/1983	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191723806	18/07/2006	CA TTHuế	3.045		3.045	
255	Trương Công Khâm	20/09/1983	Lộc Vĩnh - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191520148	21/07/2003	CA TTHuế	3.045		3.045	
256	Trương Minh Sơn	09/08/1983	Lộc Trì - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191514821	16/08/1999	CA TTHuế	3.045		3.045	
257	Nguyễn Thanh Long	05/06/1981	Lộc Tiến - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	191438254	27/07/2009	CA TTHuế	1.470		1.470	
258	Nguyễn Văn Phò	09/06/1983	Vinh Phú - Phú Vang - Thừa Thiên Huế	191493899	03/03/1999	CA TTHuế	840		840	
Tổng:							360.990	32.060.175	32.421.165	

TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỘ ĐÔNG



Hoàng Trung Chính

Thừa Thiên Huế, ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI LẬP



Trương Quang Việt



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 09 tháng 06 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

1. NGƯỜI ỦY QUYỀN

Tên Tổ chức: Công ty Cổ Phần Thực phẩm An Long

Số ĐKDN: 1100814572 cấp lần đầu ngày 24/12/2007 và đăng ký thay đổi cấp lần 9 ngày: 05/03/2024.

Nơi cấp: Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An

Địa chỉ thường trú/Trụ sở: Cụm Công Nghiệp Hoàng Long- Long Cang, xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Người đại diện: Bà Huỳnh Tuấn Phương Mai Chức Vụ: Tổng giám đốc

Số CCCD: 080162000440 cấp ngày 21/03/2022. Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Hiện đang sở hữu số cổ phần của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây (CMP) là: **10.000** cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần).

2. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Tên cá nhân/Tổ chức: Ông Thái Bá Mẫn Chức Vụ: Giám đốc bán hàng khu vực Miền Trung.

Số CMND/ĐKDN: 048075007455 Ngày cấp: 28/06/2021 Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Thực hiện quyền phát biểu, biểu quyết và bầu cử tất cả những vấn đề tại Đại hội với **10.000** cổ phần mà tôi/chúng tôi đang sở hữu theo quy định của pháp luật.

4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 30/06/2025 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)


Thái Bá Mẫn

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Huỳnh Tuấn Phương Mai

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----o0o-----

Huế, ngày 06 tháng 05 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

1. NGƯỜI ỦY QUYỀN:

Tên cá nhân/Tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÙNG ĐẠT**

Do Ông NGUYỄN ĐẠT làm đại diện theo pháp luật

Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải Hùng Đạt

Địa chỉ trụ sở: 14 Thống Nhất – Tứ Hạ - Hương Trà – TP Huế

Hiện đang sở hữu số cổ phần của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây (CMP) là:.....

.....cổ phần (mệnh giá: 10.000VNĐ/cổ phần)

2. NGƯỜI ỦY QUYỀN:

Tên cá nhân/Tổ chức Chức vụ: **NGUYỄN NGỌC PHI**

Số CCCD: 046078012130 Ngày cấp: 28/06/2021 Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

Thực hiện quyền phát biểu, biểu quyết và bầu cử tất cả những vấn đề tại Đại Hội với.....cổ phần mà chúng tôi đang sở hữu theo quy định của pháp luật.


4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN:

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 30/06/2025 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN:

Không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN


Nguyễn Ngọc Phi

BÊN ỦY QUYỀN



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đạt

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà', ngày 30 tháng 6 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

1. NGƯỜI ỦY QUYỀN

Tên cá nhân/Tổ chức: NGUYỄN HỮU THỌ

Số CCCD: 046056000845 Ngày cấp: 08/04/2021 Nơi cấp:

Cục Cảnh sát QLHC về TTXH.

Địa chỉ thường trú/Trụ sở: 130 Nguyễn Huệ, phường Thuận Hòa, TP. Huế

Hiện đang sở hữu số cổ phần của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây (CMP) là 4725 cổ phần (mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần).

2. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Tên cá nhân/Tổ chức:

Số CCCD/ĐKDN: 04684013363 Ngày cấp: 14/11/2022 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC TTXH

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Thực hiện quyền phát biểu, biểu quyết và bầu cử tất cả những vấn đề tại Đại hội với 4725 cổ phần mà tôi đang sở hữu theo quy định của pháp luật.

4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 30/6/2025 của Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN


Nguyễn Bá An

NGƯỜI ỦY QUYỀN


Nguyễn Hữu Thọ

Hà Nội, ngày 27. tháng 6 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

1. BÊN ỦY QUYỀN

Tên cổ đông: **Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy**

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: **0100113303** thay đổi lần thứ 12 ngày 05/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: 172 Ngọc Khánh – Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội

Mã số cổ đông: **VSDCMPLĐ1**

Số cổ phần sở hữu: 32.044.425 cổ phần

Họ và tên: **Phạm Hoài Chung**

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy.

2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Họ và tên: **Dương Bá Hòa**

Số CCCD: 040064004578; Ngày cấp: 13/04/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Thực hiện quyền phát biểu, biểu quyết và bầu cử tất cả những vấn đề đã được Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy thông qua tại Nghị quyết số 83./NQ-CNT ngày 27./6/2025 tại Đại hội với 10.008.825 cổ phần mà chúng tôi đang sở hữu theo quy định của pháp luật.

4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN



Dương Bá Hòa



BÊN ỦY QUYỀN



Phạm Hoài Chung

Hà Nội, ngày 27. tháng 6 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

1. BÊN ỦY QUYỀN

Tên cổ đông: **Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy**

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: **0100113303** thay đổi lần thứ 12 ngày 05/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: 172 Ngọc Khánh – Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội

Mã số cổ đông: **VSDCMPLĐ1**

Số cổ phần sở hữu: 32.044.425 cổ phần

Họ và tên: **Phạm Hoài Chung**

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy.

2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Họ và tên: **Huỳnh Văn Toàn**

Số CCCD: 046075005019; Ngày cấp: 28/06/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Thực hiện quyền phát biểu, biểu quyết và bầu cử tất cả những vấn đề đã được Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy thông qua tại Nghị quyết số 83.../NQ-CNT ngày 27./6/2025 tại Đại hội với 7.777.300 cổ phần mà chúng tôi đang sở hữu theo quy định của pháp luật.

4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN



Huỳnh Văn Toàn

BÊN ỦY QUYỀN



Phạm Hoài Chung

Hà Nội, ngày 27.. tháng 6 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

1. BÊN ỦY QUYỀN

Tên cổ đông: **Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy**

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: **0100113303** thay đổi lần thứ 12 ngày 05/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: 172 Ngọc Khánh – Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội

Mã số cổ đông: **VSDCMPLĐ1**

Số cổ phần sở hữu: 32.044.425 cổ phần

Họ và tên: **Phạm Hoài Chung**

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy.

2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Họ và tên: **Nguyễn Tiến Đạt**

Số CCCD: 031073003080; Ngày cấp: 05/10/2016; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Thực hiện quyền phát biểu, biểu quyết và bầu cử tất cả những vấn đề đã được Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy thông qua tại Nghị quyết số **83**./NQ-CNT ngày **27**./6/2025 tại Đại hội với 7.777.300 cổ phần mà chúng tôi đang sở hữu theo quy định của pháp luật.

4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại Giấy ủy quyền này. ✓

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN



Nguyễn Tiến Đạt

BÊN ỦY QUYỀN *khó*



Phạm Hoài Chung

Hà Nội, ngày 27... tháng 6 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

1. BÊN ỦY QUYỀN

Tên cổ đông: **Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy**

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: **0100113303** thay đổi lần thứ 12
ngày 05/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: 172 Ngọc Khánh – Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội

Mã số cổ đông: **VSDCMPLD1** Số cổ phần sở hữu: 32.044.425 cổ phần

Họ và tên: **Phạm Hoài Chung**

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Người đại diện theo pháp luật của
Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy.

2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Họ và tên: **Trần Văn Phong**

Số CCCD: 046065009689; Ngày cấp: 09/08/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát
QLHC về trật tự xã hội

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Thực hiện quyền phát biểu, biểu quyết và bầu cử tất cả những vấn đề đã được
Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy thông qua tại Nghị
quyết số .83../NQ-CNT ngày 27../6/2025 tại Đại hội với 3.240.500 cổ phần
mà chúng tôi đang sở hữu theo quy định của pháp luật.

4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường
niên năm 2025 Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại
Giấy ủy quyền này.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN



Trần Văn Phong

BÊN ỦY QUYỀN



Phạm Hoài Chung

Hà Nội, ngày .27 tháng 6 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

1. BÊN ỦY QUYỀN

Tên cổ đông: **Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy**

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: **0100113303** thay đổi lần thứ 12
ngày 05/11/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: 172 Ngọc Khánh – Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội

Mã số cổ đông: **VSDCMPLD1**

Số cổ phần sở hữu: 32.044.425 cổ phần

Họ và tên: **Phạm Hoài Chung**

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Người đại diện theo pháp luật của
Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy.

2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Họ và tên: **Hồ Hoàng Thi**

Số CCCD: 046178012003 Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát

QLHC về trật tự xã hội

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Thực hiện quyền phát biểu, biểu quyết và bầu cử tất cả những vấn đề đã được
Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy thông qua tại Nghị
quyết số ..83../NQ-CNT ngày .27./6/2025 tại Đại hội với 3.240.500 cổ phần
mà chúng tôi đang sở hữu theo quy định của pháp luật.

4. THỜI HẠN ỦY QUYỀN

Giấy ủy quyền này có hiệu lực trong thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường
niên năm 2025 Công ty cổ phần Cảng Chân Mây.

5. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Không được ủy quyền lại cho người thứ ba để thực hiện các công việc nêu tại
Giấy ủy quyền này.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Hồ Hoàng Thi

BÊN ỦY QUYỀN



Phạm Hoài Chung